

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
(Giấy CNĐKKD số 3903000135 do Sở KH-ĐT Tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 13/06/2007; số CNĐKKD thay đổi số 5900415863 thay đổi lần thứ 9 ngày 30/06/2010.)



ĐỨC LONG GROUP

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI

(GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN SỐ 2.4./UBCKNN - GCN DO CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP NGÀY 1.8 THÁNG 1. NĂM 2011)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Trụ sở: 02 Đặng Trần Côn, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (84.059) 3747 437 - Fax: (84.059) 3820 359

Website: www.dulonggroup.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở chính: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 62 68 68 68 - Fax: (84.8) 62 55 59 57

Hotline: (84.8) 62 55 59 50

E-mail: contact_vn@sbsc.com.vn

Website: www.sbsc.com.vn

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Nguyễn Đình Trạc

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại : (84.059) 3200 999

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

(Giấy CNĐKKD số 3903000135 do Sở KH-ĐT Tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/06/2007; số CNĐKKD thay đổi số 5900415863 thay đổi lần thứ 9 ngày 30/06/2010)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi số: 04/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 01 năm 2010)

- Tên trái phiếu : Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Loại trái phiếu : Trái phiếu chuyển đổi
- Thời gian chuyển đổi : 02 năm hoặc khi được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ nguồn trái phiếu được quyền chuyển đổi này theo đề nghị của HĐQT DLG
- Lãi suất : 13%/năm
- Kỳ hạn trả lãi : trả lãi sau, định kỳ hàng năm trùng ngày phát hành. Nếu ngày trả lãi trùng vào ngày nghỉ thì tiền lãi sẽ được chuyển trả vào ngày làm việc tiếp theo
- Mệnh giá : 100.000 VNĐ/trái phiếu
- Giá bán : 100.000VNĐ/trái phiếu
- Tổng số lượng chào bán: 2.134.000 trái phiếu (Bằng chữ: hai triệu một trăm ba mươi tư nghìn trái phiếu)
- Tổng giá trị chào bán : 213.400.000.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm mười ba tỷ bốn trăm triệu đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở: 217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng.

Điện thoại: (0511) 3655886 – Fax: (0511) 3655887

Website: www.aac.com.vn

Email: aac@dng.vnn.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SBS)

Trụ sở: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM

Điện thoại: ĐT: (08) 62 68 68 68 - Fax: (08) 62 55 57 59

Website: www.sbsc.com.vn

Email: contact_vn@sbsc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro kinh tế	3
2. Rủi ro luật pháp.....	3
3. Rủi ro đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh	3
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	5
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu do phát hành cổ phiếu và sau thời điểm chuyển đổi thành cổ phiếu	5
6. Rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	7
1. Tổ chức phát hành	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
1.1. Lịch sử hình thành	10
1.2. Quá trình tăng vốn của Công ty cho đến nay.....	10
1.3. Giới thiệu về Công ty	11
2. Sơ đồ tổ chức	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	13
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	17
5. Hoạt động kinh doanh	18
5.1. Các nhóm sản phẩm, dịch vụ chính.....	19
5.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm 2008, 2009, và 9 tháng đầu năm 2010	21
5.3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	23
5.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết	23
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất.....	25
Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
7. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức.....	25
8. Tình hình tài chính	26
8.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	26
8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	30
9. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.....	31
10. Danh sách tài sản, nhà xưởng.....	40
11. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới.....	44
12. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo.....	45
13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành	49
14. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty	49
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	54
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	54
1. Tổ chức tư vấn.....	55
2. Tổ chức kiểm toán.....	55
IX. PHỤ LỤC	56

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Hoạt động kinh doanh đa ngành của Công ty chịu sự tác động trực tiếp từ các biến động kinh tế cũng như các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Kinh tế năm 2008 chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đợt khủng hoảng kinh tế toàn cầu; mặc dù mỗi quốc gia đạt sự phát triển bền vững khác nhau, mức ảnh hưởng khủng hoảng nhiều hay ít; thì nền kinh tế toàn cầu đã bị suy giảm nghiêm trọng ở khía cạnh sức mua, nhu cầu tiêu dùng nguyên liệu cũng như các sản phẩm hoàn chỉnh giảm mạnh, niềm tin vào sự tăng trưởng bị xói mòn. Điều đó làm trì trệ sản xuất, ngăn cản việc đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh; tăng tỷ lệ thất nghiệp... Trong năm 2009, với việc phản ứng thích hợp của Chính phủ thông qua một số chính sách điều tiết vĩ mô (lãi suất cơ bản, tỷ giá, chính sách kích cầu) nền kinh tế trong nước đã dần phục hồi tuy tỷ lệ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,32% nhưng tỷ lệ lạm phát đã được kiềm hãm ở mức 6,88%. Trong 6 tháng đầu năm 2010 toàn nền kinh tế đã và đang lấy lại đà tăng trưởng. Tiêu biểu là GDP quý II tăng 6,2-6,4%, tạo nên mức tăng trưởng kinh tế 6 tháng đạt khoảng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Mặt đạt được lớn nhất là các cân đối vĩ mô của nền kinh tế nhìn chung vẫn được duy trì ổn định. Tuy nhiên, sự ổn định này được đánh giá là chưa vững chắc, bởi vừa qua đã có lúc xảy ra những diễn biến chưa thật lành mạnh như là lãi suất tín dụng tăng vọt, tỷ giá đồng Đôla Mỹ tăng cao, gây khó khăn lớn cho hoạt động kinh doanh.

Ngành kinh doanh chủ yếu của Công ty là chế biến gỗ, đá granite, dịch vụ bến xe, khách sạn đang bị ảnh hưởng từ giá nguyên vật liệu cao, chi phí vốn cao cũng như sự mất dần lợi thế về nguồn vật liệu do chính sách đóng cửa rừng của Chính phủ nhưng những rủi ro này đã được Công ty dự báo và hạn chế đến mức tối thiểu như xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu tốt, tìm đối tác tín dụng tin cậy và nguồn tín dụng ổn định có chi phí hợp lý. Có thể nói những tác động này ảnh hưởng đến giá cổ phiếu không nhiều và nếu có là do bối cảnh thị trường tài chính - chứng khoán nói chung.

2. Rủi ro luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật Bảo vệ rừng. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện tuy nhiên, chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn nhiều chông chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, trong suốt quá trình triển khai, hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến việc nghiên cứu, vận dụng và tuân thủ các quy định pháp luật; đồng thời sẵn sàng cho các phương án dự phòng trong trường hợp có sự thay đổi chính sách pháp luật đã dự kiến.

3. Rủi ro đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh

▪ Ngành kinh doanh và chế biến sản phẩm gỗ:

Ngành gỗ Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào thị trường xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ 4 tháng đầu năm đạt 1 tỷ USD, tăng 31,6% so với cùng kỳ năm 2009.. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 70% nguyên liệu gỗ cho sản xuất từ thị trường gỗ nước ngoài¹. Nguồn nguyên liệu gỗ tự nhiên trong nước dần bị cạn kiệt song song với chính sách đóng cửa rừng của Chính phủ được thực thi, đã dẫn đến nguy cơ ngăn cản sự phát triển và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành xuất khẩu và chế biến đồ gỗ nói chung.

(1) Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam, 2009

Trước tình hình đó, Công ty đã có kế hoạch chủ động nguồn nguyên liệu dài hạn bằng việc tăng cường công tác trồng rừng. Rủi ro về nguồn nguyên vật liệu của Công ty về dài hạn sẽ được hạn chế ở mức tối thiểu.

- **Ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ:**

Ngành kinh doanh dịch vụ bến xe và bãi đỗ đã được Chính phủ cho phép xã hội hóa việc đầu tư. Đây là hình thức đầu tư "Nhà nước và tư nhân cùng làm" để một mặt bảo đảm lợi ích của chủ đầu tư nhưng mặt khác nhằm tăng cường lợi ích cộng đồng cho người dân. Nhu cầu đi lại ngày càng tăng cam kết ngành kinh doanh đầy tiềm năng. Đặc thù với loại hình kinh doanh này là đầu tư một lần và sau đó duy trì công tác vận hành và thu phí. Dòng tiền của Công ty tạo ra bởi ngành kinh doanh này cao và ổn định. Vì vậy, rủi ro đặc thù liên quan đến ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ là không đáng kể.

- **Ngành kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản:**

Ngành kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản của doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Các hoạt động khai thác mỏ của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành buộc phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật khắt khe của cơ quan quản lý. Ngoài ra, việc đánh giá chính xác trữ lượng và chất lượng mỏ cũng là một rủi ro đáng kể do việc đánh giá không chính xác về địa chất sẽ làm phát sinh chi phí và ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Ngành trồng và khai thác cây cao su:**

Hoạt động trồng, khai thác, và chế biến mủ cao su của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng nhiều bởi những thay đổi của thời tiết và khí hậu. Do đó, trong những trường hợp mưa nắng thất thường sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng sản phẩm, kế hoạch khai thác cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, giá cả cao su Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường cao su thế giới, và đặc biệt là có mối tương quan mật thiết với giá dầu thế giới. Hiện nay, thế giới sử dụng cùng lúc hai loại cao su: cao su thiên nhiên (cao su khai thác từ cây cao su) và cao su tổng hợp (cao su được chiết xuất từ dầu mỏ). Hai loại sản phẩm này là sản phẩm thay thế cho nhau vì thế, khi giá dầu giảm, giá cao su tổng hợp sẽ giảm sẽ với giá cao su tự nhiên, và ngược lại. Do vậy, biến động giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của ngành cao su.

- **Ngành thủy điện:**

Do ưu tiên phát triển thủy điện nằm trong chiến lược phát triển chung của ngành điện từ nay đến năm 2020, các dự án thủy điện được hưởng nhiều ưu đãi về thuế suất, chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước. Tuy nhiên, các Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện cũng gặp không ít rủi ro: thời tiết là rủi ro chủ yếu. Do sản lượng và hiệu quả nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều vào trữ lượng nước, trong trường hợp hạn hán kéo dài làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế sẽ ảnh hưởng lớn đến sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

- **Ngành kinh doanh bất động sản, xây dựng và vận hành các công trình giao thông BOT:**

Vốn lớn cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thiết kế, xây dựng, thời gian... là rủi ro đáng kể đối với dòng tiền của Công ty. Ngoài ra, biến động giá cả nguyên vật liệu, nhu cầu của khách hàng... cũng ảnh hưởng lớn đến ngành kinh doanh bất động sản của Công ty. Tuy nhiên, Công ty luôn chú trọng công tác đầu tư, nghiên cứu các dự án có hiệu quả; do đó rủi ro của Công ty cũng được hạn chế ở mức tối thiểu.

Hiện nay, tuyến Quốc lộ 14 là con đường ngắn nhất nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh. Nhu cầu đi lại về các tỉnh lớn, cùng với ưu điểm về thời gian và chi phí đi lại trên tuyến đường này là lợi thế cho các doanh nghiệp đầu tư, khai thác và vận hành công trình hạ tầng giao thông BOT, tạo nguồn doanh thu ổn định và lâu dài cho Công ty. Tuy

nhiên, trong tương lai, khi Công ty thực hiện đầu tư các tuyến quốc lộ khác nhau thì không loại trừ khả năng có thêm những đơn vị khác đến thị trường và khả năng mở rộng, phát triển của Công ty. Ngoài ra, các lĩnh vực hoạt động đầu tư, khai thác, xây dựng và kinh doanh hạ tầng giao thông hiện đang có rất nhiều doanh nghiệp của nhà nước, nước ngoài và của các thành phần kinh tế khác tham gia nên khả năng Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực này là điều không thể tránh khỏi.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Mục đích của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi của Đức Long Gia Lai là toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành: 213.400.000.000 đồng (Hai trăm mười ba tỷ bốn trăm triệu đồng) sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng nâng cao hiệu quả đòn bẩy tài chính. Đối tượng phát hành là cổ đông hiện hữu có trong danh sách tại thời điểm HĐQT chốt danh sách cổ đông trước khi phát hành với tỷ lệ chuyển đổi là 1:10 tương đương với giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Điều này tạo sự hấp dẫn cho nhà đầu tư nên rủi ro của đợt phát hành được giảm thiểu. Nguồn vốn thu được để bổ sung vốn lưu động nên không tạo áp lực thành công quá lớn, số vốn còn thiếu (trong trường hợp không chào bán hết) sẽ được công ty huy động bằng cách vay ngân hàng thương mại.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 Rủi ro pha loãng trực tiếp từ việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp và có thể gây ra ảnh hưởng sau:

- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống.
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên, điều này còn phần nào phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để đầu tư mở rộng kinh doanh.

Vì vậy cần xác định rủi ro pha loãng cổ phiếu trong trường hợp Đức Long Gia Lai thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Khi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, lượng cổ phiếu sẽ tăng lên, EPS của cổ phiếu sẽ giảm xuống, đồng thời tại thời điểm chuyển đổi giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu sẽ bị pha loãng theo công thức:

$$P = \frac{P_{tcd} \times Q1 + 10.000 \times Q2}{Q1+Q2}$$

P: là giá trị sổ sách sau khi chuyển đổi

P_{tcd}: là giá trị sổ sách trước khi chuyển đổi

Q1: là khối lượng CP trước khi chuyển đổi

Q2: là số lượng CP được chuyển đổi từ trái phiếu

- ❖ Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ giảm nếu như DLG hoạt động thực sự tốt, những dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán thực sự đem lại hiệu quả cao. Qua phân tích kế hoạch dòng tiền, doanh thu khả thi từ năm 2010 đến năm 2012 cho thấy tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu được đảm bảo và có xu hướng tăng qua các năm. Đặc biệt là năm 2012, dự kiến mức cổ tức chi trả khoảng 20% trên mệnh giá cổ phiếu đây chính là cơ sở chứng minh hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty, bù đắp cho rủi ro pha loãng khi phát hành thêm với số lượng không quá lớn.

5.2 Rủi ro pha loãng từ việc phát hành thêm trong thời hạn lưu hành trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu được phát hành với lãi suất cố định 13%/năm và ấn định tỷ lệ chuyển đổi là 1:10 (tại thời điểm chuyển đổi 1 trái phiếu được chuyển thành 10 cổ phiếu DLG), đồng thời Công ty không cam kết về việc không phát hành tăng vốn điều lệ trong giai đoạn trái phiếu chuyển đổi đang lưu hành do đó những nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi có thể gặp những rủi ro pha loãng cổ phiếu trong trường hợp Công ty phát hành thêm tăng vốn điều lệ như phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Tuy nhiên, rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sau khi chuyển đổi. Công ty đảm bảo việc thanh toán trái tức cho trái chủ đúng hạn và đối với những trường hợp trái chủ đến thời hạn chuyển đổi mà không muốn thực hiện quyền chuyển đổi sẽ được Công ty thanh toán đầy đủ gốc và lãi trái phiếu tại thời điểm chuyển đổi.

6. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, dịch họa... Những rủi ro này là bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra dù trực tiếp hay gián tiếp sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đối tác kinh doanh cũng như những thị trường tiêu thụ, tài sản, con người. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Ông BÙI PHÁP	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông NGUYỄN ĐÌNH TRẠC	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông NGUYỄN XUÂN HOAN	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
Bà VŨ THỊ HẢI	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Ông NGÔ QUẢNG PHÚ	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
--------------------------	----------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“Công ty” hoặc **“Đức Long Gia Lai”**: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, viết tắt là DLG.

“Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC”: Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Đức Long Gia Lai.

“Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

“Điều lệ”: Điều lệ của Đức Long Gia Lai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

“Vốn điều lệ”: Số vốn do tất cả cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Đức Long Gia Lai.

“Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“Cổ phiếu”: Chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Đức Long Gia Lai có thể có ghi tên và không ghi tên theo quy định của Điều lệ.

“Cổ đông”: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đức Long Gia Lai.

“Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

“Trái phiếu chuyển đổi”: Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu mà người nắm giữ có khả năng chuyển đổi chúng thành một lượng cổ phiếu nhất định của công ty phát hành

“Tỷ lệ chuyển đổi”: Cho biết mỗi trái phiếu có thể chuyển đổi được thành bao nhiêu cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi được thể hiện dưới dạng tỷ số hoặc là mức giá chuyển đổi, và nó được xác định trong các hợp đồng mua trái phiếu cùng với các điều kiện và điều khoản khác.

“Năm tài chính”: Năm mươi hai tháng tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

“Người có liên quan”: Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
- b. Công ty con đối với công ty mẹ;
- c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- d. Người quản lý doanh nghiệp;
- e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên, cổ đông sở hữu phần góp vốn hay cổ phần chi phối;
- f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e trên;
- g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý doanh nghiệp đó;

- h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối quyết định của Công ty.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ✓ DLG : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ SBS : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- ✓ AAC : Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC
- ✓ UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ✓ CBNV : Cán bộ nhân viên
- ✓ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ✓ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ✓ BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- ✓ BKS : Ban Kiểm soát
- ✓ CP : Cổ phiếu
- ✓ DNNN : Doanh nghiệp Nhà nước
- ✓ GDP : Tổng sản phẩm quốc nội
- ✓ Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ✓ ROA : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
- ✓ ROE : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
- ✓ XNK : Xuất nhập khẩu
- ✓ VND : Đồng tiền Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) tiền thân là Xí nghiệp Tư doanh Đức Long được thành lập tháng 09/1995, với số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng, sở hữu 9.700 m² đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công và bán tự động. Sản phẩm chính của Công ty tại thời điểm đó là đồ gỗ nội thất, ván lát sàn và sản phẩm sân vườn. Sau 12 năm hoạt động, tháng 06/2007 Xí nghiệp đã chính thức chuyển đổi sang hình thức hoạt động công ty cổ phần, lấy tên hoạt động là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000135 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/06/2007 với số vốn điều lệ là 270 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã 9 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ Công ty là 291 tỷ đồng.

Hiện tại, quy mô Công ty đã phát triển đáng kể; doanh thu hàng năm tăng từ 30% đến 40%. Trong đó, riêng mảng kinh doanh gỗ sở hữu 150.000 m² mặt bằng nhà xưởng, sân bãi; 4 nhà máy sản xuất cùng 7 dây chuyền chế biến gỗ hiện đại.

Công ty đã thành lập được hệ thống phân phối gỗ và đá gồm 15 đại lý trong nước, đồng thời phát triển 3 văn phòng đại diện tại Singapore, Nhật Bản và Mỹ. Đến nay sản phẩm và chất lượng của gỗ, đá Đức Long Gia Lai được biết đến nhiều cả trong và ngoài nước.

Từ khi thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Đức Long Gia Lai lần lượt thành lập 14 công ty thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Tiếp tục mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực nhưng xác định ngành cốt lõi chủ yếu vẫn là:

- (i) Chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu;
- (ii) Dịch vụ bến xe và bãi đỗ, xe buýt đô thị;
- (iii) Khai thác chế biến đá granite tự nhiên;

Song song với ngành nghề truyền thống của mình, mục tiêu hướng đến của Đức Long Gia Lai là đầu tư mở rộng phát triển vào các lĩnh vực đang là thế mạnh của Tây Nguyên: đầu tư thủy điện; trồng và chế biến cao su; khai thác, chế biến quặng mỏ sắt.

Đức Long Gia Lai đã góp phần mang lại hiệu quả về mặt kinh tế xã hội cho tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói chung là không nhỏ. Kể từ khi thành lập đến nay, Đức Long Gia Lai đã nhận được hàng trăm giải thưởng về chất lượng sản phẩm và những đóng góp cho cộng đồng. Đặc biệt là năm 2005, Xí nghiệp Tư doanh Đức Long đã vinh dự được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng ba. Năm 2010 Tập đoàn Đức Long Gia Lai lại một lần nữa vinh dự được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng nhì. Riêng cá nhân ông Bùi Pháp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho những thành tích, đóng góp của ông cho cộng đồng và xã hội. Điều này khẳng định vị thế của Đức Long Gia Lai không chỉ về mặt chất lượng, sản phẩm dịch vụ để đảm bảo tăng trưởng mà còn góp phần không nhỏ vào việc ổn định cuộc sống cho người lao động, đặc biệt là số lao động nông nhàn và người dân tộc thiểu số.

1.2. Quá trình tăng vốn của Công ty cho đến nay

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 06 năm 2007, Vốn điều lệ đăng ký ban đầu của Công ty là 270.000.000.000 đồng với 59 cổ đông tham gia góp vốn, trong đó có 05 cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 31/12/2007, tổng số vốn thực góp của các cổ đông mới là

244.554.000.000 đồng. Sang năm 2008 một số cổ đông tiếp tục góp vốn theo cam kết và đã hoàn thành việc góp vốn đủ 270.000.000.000 đồng vào tháng 6 năm 2008.

Kể từ khi chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, Đức Long Gia Lai đã trải qua một đợt tăng vốn điều lệ từ 270 tỷ đồng lên 291 tỷ đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 1/7/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/07/2008. Theo đó, Công ty đã thực hiện một đợt phát hành riêng lẻ, chào bán 10.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 270.000.000.000 đồng lên 370.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, do diễn biến thị trường không thuận lợi, Công ty chỉ chào bán thành công 2.100.000 cổ phần cho 71 nhà đầu tư, tương ứng với số vốn 21.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá. Kết thúc đợt phát hành, Vốn điều lệ của Công ty từ 270.000.000.000 đồng đã tăng lên 291.000.000.000 đồng.

Sau khi kết thúc đợt chào bán riêng lẻ trên, Công ty đã chậm công bố thông tin nên đã phải giải trình và bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo quyết định số 334/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 06 năm 2009. DLG đã hoàn thành trách nhiệm thi hành quyết định này.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 22/06/2010.

Trong năm 2009, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai không thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn. Tuy nhiên, tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2009 của Công ty, ở nội dung Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất có thể hiện việc "Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính" ảnh hưởng bởi "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu" với số tiền là **12.823.530.000 đồng**. Nguyên nhân là do trong năm 2009, một số Công ty con của DLG có thực hiện tiến hành tăng vốn và góp vốn, cụ thể như sau:

- Công ty CP Đầu tư phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai tăng vốn từ 9.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng. Đây là đợt phát hành riêng lẻ cho 94 cổ đông với tổng số cổ phần phát hành thêm là 550.000 CP tương đương 5.500.000.000 đồng.
- Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức long Gia lai : Ông Võ Châu Hoàng góp vốn 1.100.000.000 đồng
- Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia lai : Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp vốn : 492.800.000 đồng
- Công Ty CP Đầu tư và phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai : Các cá nhân và công ty mẹ góp vốn : 5.730.730.000 đồng
 - Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai: 840.730.000 đồng
 - Ông Phạm Tiến Dũng: 315.000.000 đồng
 - Ông Trần Bá Hiệp: 290.000.000 đồng
 - Ông Nguyễn Văn Chính: 145.000.000 đồng
 - Và các cổ đông khác: 4.140.000.000 đồng

1.3. Giới thiệu về Công ty

- Tên gọi : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
- Tên tiếng Anh : Duc Long Gia Lai Group JSC
- Tên viết tắt : DUC LONG GIA LAI GROUP
- Trụ sở chính : 02 Đặng Trần Côn, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại : (059) 3 747 437 - 747 206 – Fax: (059) 3 747 366
- Website : www.duclonggroup.com
- Vốn điều lệ : 291.000.000.000 VND
- Đại diện : Ông Bùi Pháp - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Logo

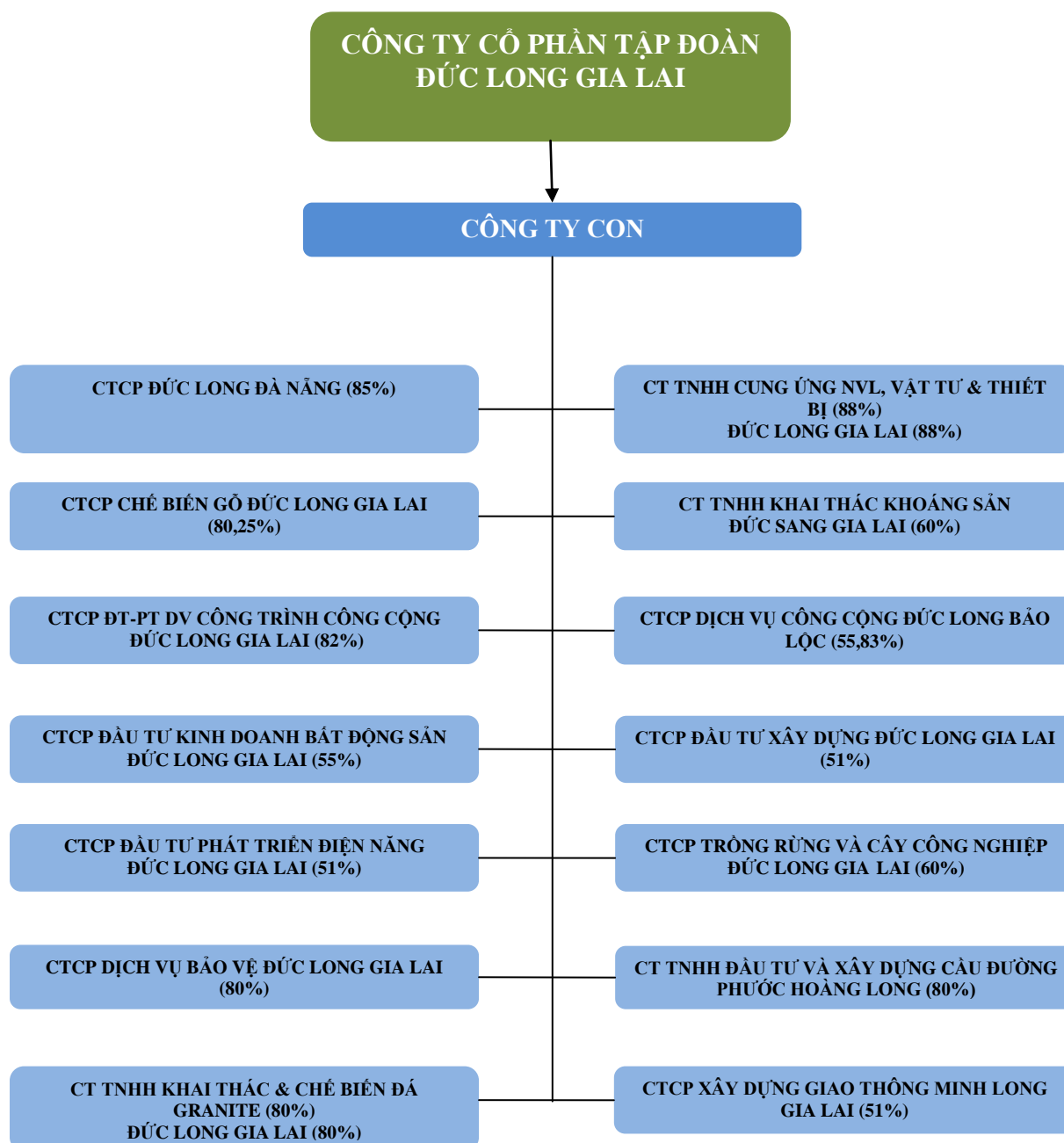


- Lĩnh vực kinh doanh:

- ✓ Cửa xe bào gỗ và bảo quản gỗ;
- ✓ Khách sạn;
- ✓ Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- ✓ Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- ✓ Mua bán gỗ các loại;
- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- ✓ Khai thác đá granite;
- ✓ Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng;
- ✓ Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- ✓ Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- ✓ Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành;
- ✓ Kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
- ✓ Cơ sở lưu trữ khác;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- ✓ Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- ✓ Trồng cây cao su;
- ✓ Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- ✓ Khai thác quặng boxit;
- ✓ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ rừng trồng;
- ✓ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Xây dựng công trình đường bộ;
- ✓ Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- ✓ Kinh doanh bất động sản (trừ đấu giá tài sản), quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Hoạt động tư vấn quản lý;
- ✓ Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- ✓ Dịch vụ ăn uống khác;
- ✓ Cho thuê văn phòng;
- ✓ Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- ✓ Bán buôn phân bón;
- ✓ Khai thác quặng sắt;
- ✓ Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- ✓ Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- ✓ Chế biến khoáng sản (không chở đá thô ra ngoài tỉnh);
- ✓ Quảng cáo.

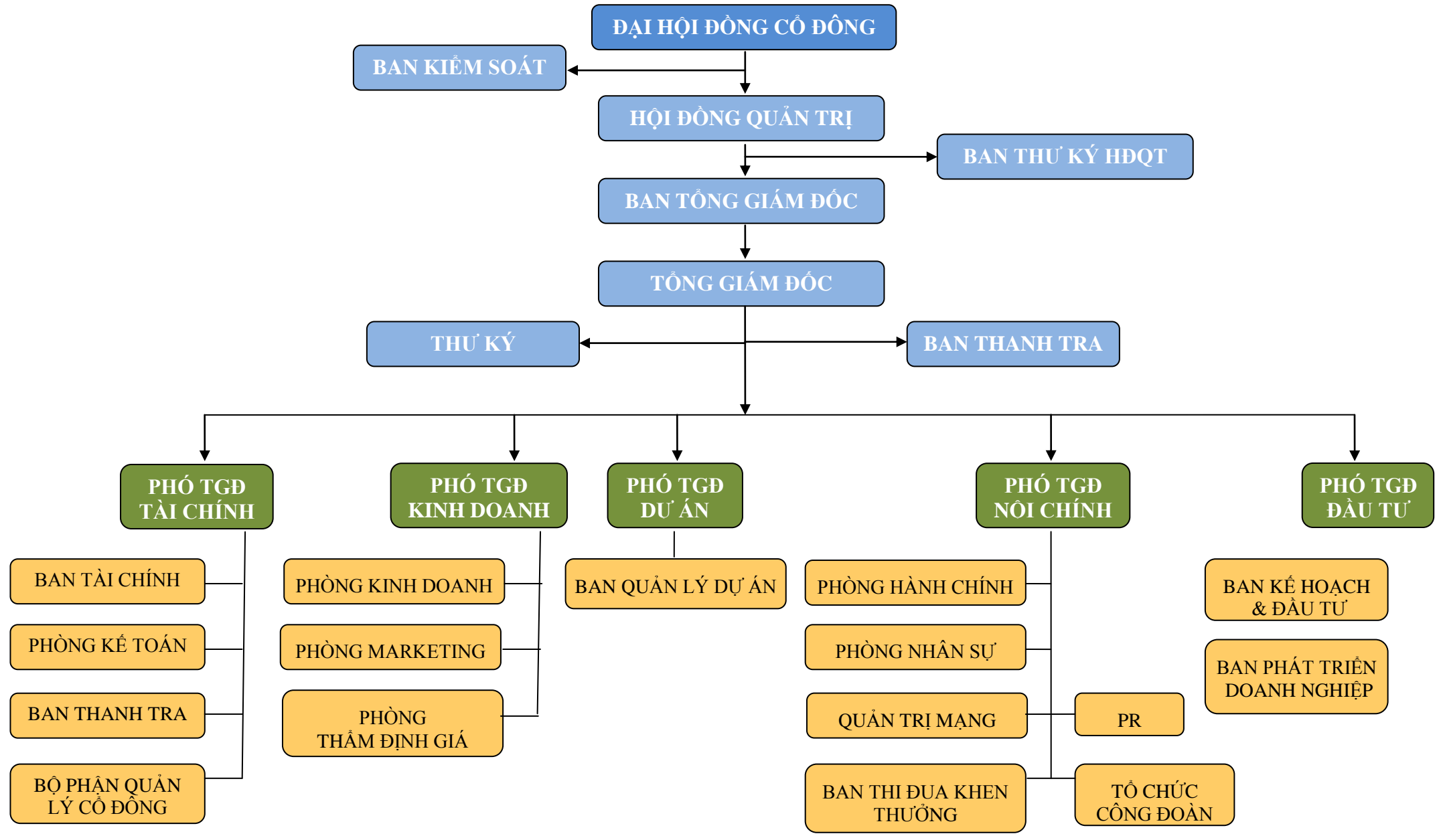
2. Sơ đồ tổ chức

■ Sơ đồ tổ chức hoạt động Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Căn cứ những quy định của pháp luật cụ thể là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai có cơ cấu tổ chức quản lý như sau:



Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Đức Long Gia Lai:

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Đức Long Gia Lai có 05 thành viên.

Ban Kiểm soát: Là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát về việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ Đức Long Gia Lai. Ban Kiểm soát của Đức Long Gia Lai có 2 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên.

Ban Tổng Giám đốc: Là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Đức Long Gia Lai; song song đó là người tham mưu cho Hội đồng quản trị về mặt hoạch định các mục tiêu, chính sách. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận nghiệp vụ. Hiện tại Công ty có 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

Ban nhân sự - hành chính

- ✓ Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách nhân sự và kinh doanh của Công ty, giúp Tổng Giám đốc lập dự thảo chương trình hành động, đề ra các biện pháp kiểm soát, cải tiến tổ chức, xây dựng các tiêu chuẩn hoạt động;
- ✓ Quản lý và giám sát các phòng ban, cung cấp các nguồn lực cần thiết cho các đơn vị. Xác định nhu cầu đào tạo và cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện đào tạo;
- ✓ Định kỳ thông báo cho Tổng Giám đốc biết về tình hình hoạt động hành chính và nhân sự của Công ty. Chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác tổ chức hành chính như công tác quản trị hành chính, văn thư, lưu trữ bảo mật tài liệu cơ quan, xây dựng các chính sách tuyển dụng và tổ chức quản lý lao động, thi đua khen thưởng, nâng hạ lương;
- ✓ Thiết lập hệ thống thông tin có hiệu quả, tạo lập các mối quan hệ mật thiết trong Công ty. Phối hợp với các phòng ban, công trường để đem lại kết quả tốt nhất cho Công ty. Chuẩn bị nội dung và điều khiển cuộc họp các cấp Trưởng hàng tuần.

Ban tài chính – kế toán

- ✓ Tham mưu cho Tổng Giám đốc và HĐQT thực hiện chức năng quản lý tài chính, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về tài chính – kế toán, tổ chức phổ biến và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành kịp thời các qui định về tài chính – kế toán của Nhà nước. Quan hệ với ngân hàng, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan để thực hiện công tác tài chính – kế toán theo qui định của pháp luật;
- ✓ Tham mưu cho HĐQT và chịu trách nhiệm về các hoạt động tìm nguồn vốn đầu tư cho Công ty cũng như đại diện vốn đầu tư đối với các khoản đầu tư ra ngoài công ty.
- ✓ Quyết định về mặt tài chính của các dự án đầu tư của Công ty.
- ✓ Chỉ đạo quản lý tài sản, tiền vốn, hàng hóa, kinh phí và các quỹ, tổng kết thu – chi tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm tra thường xuyên hoạt động kế toán của các bộ phận, nắm bắt tình hình kinh doanh của Công ty từ đó lập kế hoạch tài chính và cung cấp thông tin cho các bộ phận trong và ngoài Công ty;
- ✓ Chỉ đạo tổ chức thanh toán mua bán hàng hóa nhanh chóng và thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay vốn, tránh tình trạng vốn bị chiếm dụng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, bảo mật các số liệu;
- ✓ Chịu trách nhiệm chung về hiệu suất làm việc của Ban và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về hệ thống tài chính – kế toán tại Công ty.

Ban kế hoạch và đầu tư

- ✓ Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh;
- ✓ Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc, hỗ trợ cho các bộ phận khác về kinh doanh, tiếp thị, thị trường, lập kế hoạch, tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu; về việc chọn khách hàng, thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- ✓ Giao tiếp khách hàng, liên hệ với các cơ sở bên ngoài tiếp thị và khai thác thị trường, nghiên cứu thị trường, chọn khách hàng ký hợp đồng, quảng bá và liên hệ với các đơn vị trong và ngoài nước về qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo nguồn hàng sản xuất ổn định cho Công ty;
- ✓ Báo cáo cho Tổng Giám đốc về tiến độ sản xuất, tính hình sản xuất, kết quả việc thực hiện sản xuất kinh doanh cho Tổng Giám đốc. Báo cáo ngay những vấn đề không thực hiện được cho Tổng Giám đốc Công ty giải quyết;
- ✓ Xây dựng kế hoạch hoạt động toàn Công ty. Chỉ đạo và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra tình hình hoạch định và thực hiện kế hoạch ở các đơn vị, phòng ban;
- ✓ Lập dự án đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư, quản lý hồ sơ dự án đầu tư;
- ✓ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác nghiên cứu chiến lược thực hiện dự án, nghiên cứu khả thi và triển khai thực hiện các dự án đầu tư;
- ✓ Chịu trách nhiệm trước và chịu sự kiểm tra giám sát toàn diện của Ban Tổng Giám đốc về mọi hoạt động, quản lý về quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cũng như kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng;
- ✓ Tổ chức quản lý và triển khai các dự án đầu tư theo đúng quy định của Công ty và phù hợp với pháp luật của Nhà nước.
- ✓ Đề xuất tổ chức thành lập các công ty thành viên thực hiện các dự án, ngành nghề mới, ngành nghề chiến lược của Công ty.

Ban marketing và quan hệ công chúng (PR)

- ✓ Xây dựng và thực hiện các kế hoạch marketing và quản trị thương hiệu phù hợp chiến lược phát triển của Công ty, ở mức độ tập đoàn và công ty con;
- ✓ Xây dựng kế hoạch marketing hàng năm nhằm duy trì và quảng bá thương hiệu Công ty;
- ✓ Chỉ đạo việc xây dựng các kế hoạch tương tự tại các Công ty thành viên; tham gia xây dựng kế hoạch marketing tổng thể cho Công ty;
- ✓ Triển khai các hoạt động marketing theo kế hoạch và theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc;
- ✓ Quản lý quan hệ công chúng bao gồm xây dựng và duy trì quan hệ với các cơ quan truyền thông, xử lý các trường hợp khủng hoảng thông tin (nếu có);
- ✓ Tổ chức các hội thảo khách hàng, tổ chức và tham gia các hội thảo và triển lãm khác.
- ✓ Tổ chức các sự kiện của Công ty.
- ✓ Tổ chức các hoạt động quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông/nhà đầu tư (IR).

Ban Quản lý Dự án

- ✓ Thực hiện và giám sát trực tiếp các công trình được giao và chịu trách nhiệm trực tiếp với Ban Giám đốc về mọi mặt của công trình;
- ✓ Chuẩn bị kế hoạch thi công cho các công trình được giao, gồm cả việc quyết định cơ cấu tổ chức Ban chỉ huy công trường;

- ✓ Quản lý, điều phối và kiểm tra các hoạt động hàng ngày tại công trường;
- ✓ Theo dõi tiến triển của công trình và xác nhận khối lượng các hạng mục thi công theo định kỳ, báo cáo cho Ban lãnh đạo. Thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến khi cần thiết;
- ✓ Thay mặt Ban lãnh đạo trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả xử lý các ý kiến phản nàn hay tranh chấp của khách hàng.

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

■ Các Công ty mẹ

Không có

■ Các Công ty con

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	Vốn Điều lệ (tỷ)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty (%)
Thành lập năm 2007 – 2008					
1	CTCP chế biến gỗ ĐLGL	02- Đặng Trần Côn- Trà Bá-Pleiku- Gia Lai	31/10/2007	40	80,25
2	CTCP Đầu tư & kinh doanh bất động sản	308-310 Cao Thắng(nối dài)- P12- Quận 10-Tp.Hồ Chí Minh	24/11/2007	100	55
3	Cty TNHH Khai thác & chế biến đá Granit ĐLGL	Lô E6- Khu Công nghiệp Trà Đa- Gia Lai	14/12/2007	12	66,67
4	CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá-Pleiku- Gia Lai	21/12/2007	15	54,67
5	CTCP Đầu tư & phát triển điện năng ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá-Pleiku- Gia Lai	01/02/2008	90	51
6	CTCP trồng rừng và cây công nghiệp ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá-Pleiku- Gia Lai	31/3/2008	30	60
7	Cty TNHH Cung ứng nguyên liệu, vật tư & thiết bị ĐLGL	02- Đặng Trần Côn- Trà Bá-Pleiku- Gia Lai	31/3/2008	20	88
8	CTCP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Phường Lộc Sơn- thị xã Bảo Lộc- tỉnh Lâm Đồng	23/6/2008	10	60

9	CTCP Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai	308-310 Cao Thắng- P.12- Q.10- Tp. HCM	28/12/2008	2	80
Thành lập năm 2009-2010					
10	Cty TNHH Khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai	43 Lý Nam Đế - Trà Bá – Pleiku- Gia Lai (Bến xe)	27/02/2009	2	60
11	CTCP Đức Long Đà Nẵng	47 Bế Văn Đàn – quận Thanh Khê – Tp. Đà Nẵng	14/04/2009	25	85
12	CTCP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế - Pleiku - Gia lai	27/10/2009	2	51
13	CT TNHH đầu tư xây dựng cầu đường Phước Hoàng Long	Khối phố 3 – thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Pah, Gia Lai	11/12/2009	30	80
14	CTCP xây dựng giao thông Minh Long Gia Lai	Thôn Hòa Bình, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	30/3/2010	30	51

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

5. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Đức Long Gia Lai hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn Tỉnh Gia Lai và một số tỉnh lân cận tại khu vực phía Nam. Các hoạt động chính bao gồm:

- ✓ Sản xuất và chế biến gỗ;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ bến xe;
- ✓ Khai thác và chế biến đá;
- ✓ Các dịch vụ kinh doanh khác.

■ Bảng kết quả hoạt động 2008,2009, 9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	9 Tháng 2010
Doanh thu thuần	Đồng	193.729.933.077	566.864.112.712	801.032.139.092
<i>Doanh thu ngành gỗ</i>	Đồng	86.751.426.408	194.252.338.272	192.106.384.477
<i>Doanh thu dịch vụ bến xe</i>	Đồng	12.399.811.914	15.380.063.396	12.086.764.975
<i>Các doanh thu khác</i>	Đồng	94.478.694.755	357.231.711.044	596.838.989.640
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	996.435.995	29.885.944.237	80.070.388.268
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	724.167.734	24.715.564.387	59.345.345.017

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009, BCTC Quý III /2010

5.1. Các nhóm sản phẩm, dịch vụ chính

■ Lĩnh vực sản xuất và chế biến gỗ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành sản xuất và chế biến các sản phẩm gỗ. Các sản phẩm đồ gỗ của Đức Long Gia Lai đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến từ nhiều năm qua với sự phong phú về chủng loại và đa dạng về mẫu mã. Bên cạnh đó tiêu chí về chất lượng luôn được đảm bảo, vì vậy trong nhiều năm qua các sản phẩm của Công ty đã được tổ chức uy tín trao tặng nhiều giải thưởng về chất lượng.

Giải thưởng "Sao vàng đất Việt" năm 2004, 2006, và 2008 dành cho sản phẩm tiêu biểu Việt Nam do Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam trao tặng.



Cúp vàng ISO do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn và quy định Quốc tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh.



Các sản phẩm gỗ bao gồm hai dòng sản phẩm chính là đồ gỗ nội thất và đồ gỗ ngoại thất sân vườn.

Đồ gỗ nội thất: Long chiếm tỷ trọng trên 50% doanh thu của mảng dịch vụ sản xuất và kinh doanh gỗ và được định hướng là dòng sản phẩm chiến lược mang tạo doanh thu lớn và ổn định cho Đức Long Gia Lai trong những năm tiếp theo. Các sản phẩm của dòng đồ gỗ nội thất bao gồm nhóm hàng gia dụng như bàn, ghế, salon, giường, kệ tivi, ván lót sàn, tủ các loại...và nhóm hàng công trình như trần nhà, ván lót sàn, nội thất hội trường, quầy giao dịch ngân hàng...

Đồ gỗ ngoại thất sân vườn: là dòng sản phẩm truyền thống của Công ty trong nhiều năm qua bao gồm các sản phẩm như bàn ngoài trời, ghế ngoài trời, ghế nằm, xe đẩy rượu...



Sản xuất và chế biến đồ gỗ là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Đức Long Gia Lai. Xác định là ngành cốt lõi nên Công ty đã huy động nhân lực và vật lực đủ nhằm duy trì và tăng cường mở rộng đầu tư thêm, nổi bật là năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008, Đức Long Gia Lai đã tiến hành mua lại nhà máy sản xuất gỗ Xuân Phúc với tổng trị giá 25 tỷ đồng đồng thời tiến hành nhập khẩu dây chuyền sản xuất ván Veneer và chế biến sản phẩm gỗ với trị giá: 259.486,45 USD và 29.955 EUR.

Hiện tại, quy mô sản xuất của Đức Long Gia Lai bao gồm ba nhà máy chế biến gỗ được đặt tại Pleiku, Gia Lai với tổng công suất thiết kế lên đến 10.800 m³/năm. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: m³/năm

Chỉ tiêu	Nhà máy 1	Nhà máy 2	Nhà máy 3	Tổng cộng
Công suất thiết kế	4.680	4.680	4.680	14.040
<i>Gỗ Tinh</i>	1.521	1.521	1.521	4.563
<i>Gỗ Lato</i>	3.159	3.159	3.159	9.477
Công suất thực tế	3.600	3.600	3.600	10.800
<i>Gỗ Tinh</i>	1.170	1.170	1.170	3.510
<i>Gỗ Lato</i>	2.430	2.430	2.430	7.290

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

■ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ bến xe và bãi đỗ

Cũng được xác định là ngành kinh doanh cốt lõi trong ngắn hạn, Đức Long Gia Lai đã chú trọng tập trung vào xây dựng mô hình kinh doanh bến xe tư nhân đầu tiên trên toàn quốc. Đây là mô hình bến xe khép kín với cơ sở hạ tầng hiện đại và tiện nghi bao gồm bãi đỗ xe, khách sạn, trạm xăng dầu, dịch vụ bảo trì sửa chữa, dịch vụ ăn uống, nhà chờ, căn tin, phòng trọ, và nhiều tiện ích khác. Trong năm 2006, mô hình Bến xe Đức Long Gia Lai đã được Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đánh giá là mô hình bến xe đạt tiêu chuẩn loại I, đồng thời trong năm 2006 Bến xe Đức Long Gia Lai cũng được trao cúp vàng “Sản phẩm Việt uy tín chất lượng năm 2006”.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Gia Lai chỉ có duy nhất một bến xe của Công ty, ngoài ra với sự cam kết của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Gia Lai không cấp giấy phép hoạt động cho các bến xe khác trên địa bàn tỉnh trong vòng 25 năm tới nên mô hình hoạt động bến xe của Công ty chiếm thị phần đa số và hầu như không gặp phải sự cạnh tranh đáng kể nào.

Với chiến lược kinh doanh hoàn toàn mới cũng như đã đầu tư thỏa đáng vào bến xe Đức Long Gia Lai nên sớm có được sự ủng hộ và tin tưởng từ khách hàng. Đây là tiền đề để Đức Long Gia Lai mở rộng mô hình kinh doanh này ra nhiều địa bàn khác trên cả nước. Trong năm 2009, Công ty đang tiến hành đầu tư xây dựng Bến xe Đức Long – Bảo Lộc tại tỉnh Lâm đồng với vốn đầu tư trên 11 tỷ đồng và Bến xe Đà Nẵng với vốn đầu tư trên 98 tỷ đồng đồng thời mua lại bến xe Đăklăk trị giá 8 tỷ đồng.

■ Lĩnh vực khai thác và chế biến đá

Đây là lĩnh vực mũi nhọn của Đức Long Gia Lai và được dự tính sẽ mang lại lợi nhuận đột biến cho Công ty trong thời gian tới. Hiện nay Công ty đang sở hữu một nhà máy chế biến đá và hai mỏ đá nguyên liệu là mỏ đá Granite Nghĩa Hưng và mỏ đá Bazan xã Dun.

Nhà máy chế biến đá Granite với diện tích sử dụng là 3 ha được đặt tại khu công nghiệp Trà Đa, Pleiku, Gia Lai có tổng công suất thiết kế là 148.000 m³/năm. Các sản phẩm của nhà máy bao gồm đá Granite Slab và đá Granite khối.

Mỏ đá Granite Nghĩa Hưng có trữ lượng 1.000.000 m³ với thời gian khai thác lên đến 200 năm. Khối lượng khai thác hàng năm là 5.000 m³, sản phẩm đá khai thác bao gồm các loại đá oplat, đá dăm, đá hộc theo tiêu chuẩn vật liệu xây dựng thông thường.

Mỏ đá Bazan xã Dun có diện tích trên 10 ha và trữ lượng gần 2 triệu m³. Thời gian khai thác của mỏ là 30 năm, các sản phẩm đá khai thác bao gồm đá oplat, đá dăm đá hộc theo tiêu chuẩn vật liệu xây dựng thông thường.

■ Các lĩnh vực kinh doanh khác

Các lĩnh vực kinh doanh khác của Đức Long Gia Lai bao gồm dịch vụ thương mại (kinh doanh phân bón, xăng dầu, vật tư, và thiết bị...), dịch vụ bảo vệ, đầu tư bất động sản, xây dựng và đầu tư các dự án thủy điện, trồng và khai thác cây cao su, khai thác và chế biến khoáng sản. Ngoại trừ mảng dịch vụ thương mại đã được triển khai từ trước và mang lại doanh thu ổn định, các mảng dịch vụ kinh doanh còn lại hầu hết đều nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của Đức Long Gia Lai và đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng.

5.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm 2008, 2009, và 9 tháng đầu năm 2010

Bảng: Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Khoản Mục Doanh thu thuần	2008		2009		9 Tháng 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh gỗ	86.751.426.408	44,78	194.252.338.272	34,27	192.106.384.477	23,98
Kinh doanh bến xe và bãi đỗ	12.399.811.914	6,40	15.380.063.396	2,71	12.086.764.975	1,51
Kinh doanh đá	2.680.532.766	1,38	20.810.556.660	3,67	10.696.935.528	1,34
Doanh thu TM			239.201.114.258	42,19	396.388.095.240	49,48
Doanh thu xây dựng			36.518.223.818	6,44	170.395.063.716	21,27
Dịch vụ khác	91.89.161.989	47,44	60.701.816.308	13,43	19.358.895.156	2,41
TỔNG CỘNG	193.729.933.077	100	566.864.112.712	100	801.032.139.092	100

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009 và báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2010

Bảng: Cơ cấu Lợi nhuận gộp năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Khoản Mục Lợi Nhuận Gộp	2008		2009		9 Tháng 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh gỗ	13.246.474.932	56,78	14.528.326.496	19,42	12.831.847.299	11,56
Kinh doanh bến xe và bãi đỗ	3.349.593.093	27,51	9.398.964.616	12,57	7.784.026.485	7,01
Kinh doanh đá	313.794.613	1,35	8.448.654.141	11,3	2.102.889.685	1,89
Thương mại (bán phân bón)	-	-	11.964.055.712	16,00	17.173.080.439	15,47
Xây dựng (Công trình)	-	-	12.416.196.098	16,60	66.921.691.507	60,27
Dịch vụ khác	6.418.713.134	14,36	18.042.112.820	24,12	4.219.565.455	3,80
TỔNG CỘNG	23.328.575.772	100	74.798.309.883	100	111.041.196.202	100

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009 và báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2010

Trong năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010, tỷ trọng doanh thu của ngành kinh doanh gỗ và dịch vụ thương mại chiếm tỷ trọng lớn. Tuy giá trị tăng qua các năm, song tỷ trọng của ngành kinh doanh gỗ giảm dần qua các năm, năm 2008, 2009 lần lượt là 44,78%, 34,27%. Trong khi đó, từ năm 2009 tỷ trọng doanh thu từ thương mại tăng nhanh cả về giá trị và tỷ trọng. Năm 2009, doanh thu Thương mại (bán phân bón) là 239.201.114.258 đồng chiếm 42,19% tổng doanh thu thuần. Chín tháng đầu năm 2010, doanh thu Thương mại hơn 396 tỷ chiếm 49,41% tổng doanh thu thuần. Doanh thu công trình tăng nhanh trong 9 tháng đầu năm 2010 với lợi nhuận gộp đóng góp 60,27% trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Sở dĩ các ngành nghề trên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu là do trước bối cảnh năm 2009 và 9 tháng đầu năm 2010, tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới có nhiều biến động. HĐQT và BTGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã chủ động duy trì và củng cố các ngành nghề kinh doanh cốt lõi của mình như ngành sản xuất chế biến gỗ, kinh doanh thương mại nhằm duy trì doanh thu ổn định cho Công ty và giảm thiểu rủi ro.

5.3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- ✓ Logo của Công ty: được cấu thành bởi hình Elip bên ngoài, một gạch chéo bên trong màu kim loại vàng.
- ✓ Slogan của Công ty: "Đi là đến" nêu cao tinh thần làm việc của Đức Long Gia Lai, làm việc là phải đến cùng, công việc phải kết thúc thành công.



5.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

■ Danh sách các Hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện

Sản phẩm dịch vụ ký kết	Giá trị hợp đồng	Tên đối tác trong hợp đồng	Thời gian thực hiện
Indoor furniture	102.000.000 VND	CTCP Đầu tư kinh doanh BĐS Đức Long Gia Lai	Mùa hàng năm 2007
Indoor furniture	399.000.000 VND	Công ty Hồng Phát	Mùa hàng năm 2007
Indoor furniture	297.000.000 VND	Ngân hàng BIDV – CN Gia Lai (TP. Pleiku, Gia Lai)	Mùa hàng năm 2007
Indoor furniture	1.125.000.000 VND	Bộ tư lệnh – Quân đoàn 3	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	193.000.000 VND	Biệt thự Như Hoa (Trương Chí Cường,	Mùa hàng năm 2008

		Tp. Đà Nẵng)	
Indoor furniture	315.000.000 VND	Tổng công ty15 (Bình đoàn 15)	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	450.000.000 VND	Ông Phạm Gia Túc (Hà Nội)	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	175.000.000 VND	Ngân hàng công thương Kon Tum	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	134.000.000 VND	Công ty cà phê 15 – Quận khu 5	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	1.625.000.000 VND	Bộ tư lệnh quân khu 5	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	170.000.000 VND	Nguyễn Thị Hoa (TP. Pleiku, Gia Lai)	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	8.000.000.000 VND	DNTN Đỗ Gia Viên	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	2.539.000.000 VND	DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư xây dựng NHHTC (Đồng Đa – Hà Nội)	Mùa hàng năm 2008
Indoor furniture	2.045.000.000 VND	Cửa hàng kinh doanh đồ gỗ Đức Long Gia Lai	6/2008
Indoor furniture	98.000.000 VND	Xí nghiệp khảo sát thiết kế - Bình đoàn 15	4/2008
Thương mại-Phân Kali	10.080.000.000 VND	CTCP TM Vận tải Sông Thương	11/02/2009
Thương mại-Phân DAP	13.800.000.000 VND	CTCP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	20/08/2009
Thương mại-Phân DAP	27.540.000.000 VND	CTCP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	04/05/2009
Thương mại-Phân DAP, phân URE	29.635.000.000 VND	CTCP XNK VTNN III	20/12/2008
Thương mại-Phân DAP	16.980.000.000 VND	CTCP TM XNK Thăng Long	15/10/2009
Thương mại – Phân DAP	10.371.000.000 VND	CTCP Công nghệ cao Agritech	2009
Thương mại – Phân Kali cis	33.600.000.000	CTCP Quốc tế Năm sao	2010
TM – Phân Kali	33.285.000.000	CTCP công nghệ cao Agritech	2010
Thi công công trình giao thông BOT	35.234.719.000VND	CTCP Đức Thành Gia Lai – CN Bình Phước	2010

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	9 Tháng 2010
1	Tổng giá trị tài sản	589.252.523.387	874.807.624.717	1.297.935.153.297
2	Doanh thu thuần	193.729.933.077	566.864.112.712	801.032.139.092
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(710.946.780)	30.414.632.421	79.130.157.146
4	Lợi nhuận khác	1.707.382.775	(528.688.184)	940.231.122
5	Lợi nhuận trước thuế	996.435.995	29.885.944.237	80.070.388.268
6	Lợi nhuận sau thuế	724.167.734	24.715.564.387	59.345.345.017
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	1.208%	6,6%	

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 và BCTC Quý III/2010

Trong năm 2008, Đức Long Gia Lai đã vượt chỉ tiêu về doanh thu do HĐQT đề ra là 13,63%, tuy nhiên do những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế kéo theo các hệ lụy sức mua hàng xuất khẩu giảm sút, khách hàng hủy đơn đặt hàng, khách hàng thanh toán chậm, thị phần trong nước sụt giảm, chi phí tăng cao nên lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt kết quả khá khiêm tốn là 724 triệu đồng.

Năm 2009, doanh thu và lợi nhuận của Đức Long Gia Lai có sự tăng trưởng đột biến. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do năm 2009, Đức Long Gia Lai đã có sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh doanh của mình. Tỷ trọng doanh thu chủ yếu là từ kinh doanh thương mại (phân bón), xây dựng công trình giao thông BOT, Bất động sản, cung ứng nguyên vật liệu chiếm gần 60%. Điều này chứng tỏ Đức Long Gia Lai đã ứng biến linh hoạt trong chiến lược phát triển của mình.

Đặc biệt, trong 9 tháng đầu năm 2010, tình hình kinh doanh của Công ty đã có bước vượt bậc đáng kể với doanh thu 3 quý đã gấp 1,4 lần so với cả năm 2009. Lợi nhuận sau thuế gấp 2,4 lần so với năm 2009. Đây là những dấu hiệu tích cực phản ánh tình hình kinh doanh khá thuận lợi.

7. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo nghị quyết số 01/06/2009/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 vào ngày 20/6/2009 tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm 2008 là 1,208%. Theo Nghị quyết số 02/2010/NQQ – ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản ngày 04/06/2009 tỷ lệ chi trả cổ tức cho

năm 2009 là 6,6% và đồng thời Công ty phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 3,4% nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

8. Tình hình tài chính

8.1. Các chỉ tiêu cơ bản

■ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

- ✓ Nhà cửa, vật kiến trúc : 10 - 50 năm
- ✓ Máy móc thiết bị : 08 - 12 năm
- ✓ Phương tiện vận tải : 05 - 10 năm
- ✓ Thiết bị văn phòng : 03 - 08 năm

Bảng: Cơ cấu Tài sản tính tới 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình	121.478.989.129	27.303.844.500	94.175.144.629
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	82.179.265.478	14.987.944.043	67.191.321.435
2	Máy móc thiết bị	25.580.843.125	6.996.097.299	18.584.745.826
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.832.515.733	5.077.226.308	7.755.289.425
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	886.364.793	242.576.850	643.787.943
B	Tài sản cố định thuê tài chính	12.920.680.403	3.187.238.761	9.733.441.642
1	Máy móc thiết bị	7.611.142.857	1.682.560.237	5.928.582.620
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.309.537.546	1.504.678.524	3.804.859.022
C	Tài sản cố định vô hình	95.568.882.814	94.099.933	95.474.782.881
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	95.255.882.814	0	95.255.882.814
2	Phần mềm máy tính	313.000.000	94.099.933	218.900.067
	Tổng cộng	229.968.552.346	30.585.183.194	199.383.369.152

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Bảng: Cơ cấu Tài sản tính tới 30/09/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình	125.311.053.567	31.510.177.695	93.800.875.872
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	82.197.907.278	16.778.765.427	65.419.141.851
2	Máy móc thiết bị	25.580.843.125	8.264.669.667	17.316.173.458
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.474.374.225	6.072.275.819	10.402.098.406
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.057.928.939	394.466.782	663.462.157
B	Tài sản cố định thuê tài chính	12.186.724.645	4.131.531.475	8.055.193.170
1	Máy móc thiết bị	7.611.142.857	2.647.960.333	4.963.182.524
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.575.581.788	1.483.571.142	3.092.010.646
C	Tài sản cố định vô hình	95.689.228.510	129.695.248	95.559.533.262
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	95.255.882.814	0	95.255.882.814
2	Phần mềm máy tính	433.345.696	129.695.248	303.650.448
	Tổng cộng	233.187.006.722	35.771.404.418	197.415.602.304

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

■ Thu nhập bình quân

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	30/09/2010
1	Tiền lương bình quân (đồng/ng/tháng)	2.100.000	3.000.000	4.500.000
2	Thu nhập bình quân (đồng/ng/tháng)	2.500.000	3.800.000	5.600.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	190.033.004	(1.089.027.282)	(92.325.466)

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2008, BCTC 9 tháng 2009; số liệu của Đức Long Gia Lai

■ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Đức Long Gia Lai luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn. Công ty đang được các nhà cung cấp tài chính đánh giá cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình.

■ Các khoản phải nộp theo luật định

Đức Long Gia Lai luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo qui định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong 2008 và 2009 và Quý III/2010 như sau:

Bảng: Các khoản thuế phải nộp

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	30/09/2010
Thuế GTGT đầu ra	8.633.439	1.365.406.495	875.165.226
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.338.412	41.989.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp	878.309.365	5.023.872.537	18.769.462.020
Thuế tài nguyên	-	61.620.000	103.120.535
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	8.365.000.000	8.365.000.000	2.557.815.750
Tiền xuất nhập khẩu			980.375.760
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			27.884.882
Tổng cộng	9.251.942.804	14.830.237.444	23.355.814.053

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2009. Báo cáo tài chính 2010

■ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ Công ty. Hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ xem xét mức trích lập các quỹ và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cụ thể việc trích lập quỹ như sau:

Bảng : Các quỹ theo luật định

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	30/09/2010
Quỹ dự phòng tài chính	366.301.997	453.469.926	1.781.898.688
Quỹ đầu tư phát triển	4.752.248.104	6.303.832.983	7.430.583.805

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2009. Báo cáo tài chính quý III/2010

■ Tổng dư nợ vay

Công ty không có nợ quá hạn.

Bảng: Dư nợ vay tính đến 30/09/2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Vay và nợ ngắn hạn	213.281.235.153	247.384.966.278	298.094.709.082
Vay và nợ dài hạn	18.625.305.903	56.815.311.274	99.052.316.274
Tổng cộng	231.906.541.056	304.200.277.552	397.147.025.356

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2009. Báo cáo tài chính quý III/2010

■ Tình hình công nợ hiện nay

+ Tổng số nợ phải trả: Công ty có tỷ lệ nợ trên tổng tài sản tính đến 30/09/2010 là 62,3% trong đó chủ yếu là khoản vay và nợ ngắn hạn chiếm 36,86% trên tổng nợ phải trả. Phần còn lại là khoản phải trả cho người bán, người mua trả tiền trước, phải trả cho người lao động và chi phí phải trả, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Phải trả người bán	11.768.378.935	188.904.009.169	177.020.629.893
Người mua trả tiền trước	14.866.713.636	7.864.895.278	12.837.114.983
Phải trả người lao động	1.925.902.974	2.437.050.512	2.246.497.836
Chi phí phải trả	-	1.850.748.000	206.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.964.351.143	1.149.849.658	190.850.673.795
Tổng cộng	33.525.346.688	202.206.552.617	383.161.316.507

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2009. Báo cáo tài chính quý III/2010

+ Tổng số nợ phải thu: Khoản phải thu chính là khoản phải thu của khách hàng, chiếm 49,48% tổng khoản phải thu (tính tới 30/09/2010).

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Phải thu của khách hàng	12.100.315.695	186.852.609.104	207.447.858.039
Trả trước cho người bán	48.435.656.144	37.709.177.878	105.944.676.588
Các khoản phải thu khác	11.294.642.542	27.637.627.015	105.852.756.200
Tổng cộng	71.830.614.381	252.199.413.997	419.245.290.827

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2009, 2010. BCTC quý III/2010

8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý III / 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1.02	1.15	1.27
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0.45	0.60	0.81
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* (%)			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	46.65%	59.96%	62.30%
- Hệ số nợ/Vốn của các nhà đầu tư**	88.76%	158.34%	205.58%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tài sản (lần)	0.37	0.77	0.74
- Vòng luân chuyển hàng hóa (lần)	1.45	2.65	2.53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	0.37%	4.35%	7.41%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0.37%	4.36%	7.41%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	0.27%	7.71%	16.38%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	0.14%	3.38%	5.46%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	-0.37%	5.37%	9.88%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Tổng tài sản bình quân (%)	-0.14%	4.15%	7.28%

* Chỉ tiêu Nợ để tính toán các hệ số trên là Tổng nợ ngắn hạn và dài hạn.

** Chỉ tiêu Vốn của các nhà đầu tư áp dụng theo quy định trong Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam do Bộ Tài chính ban hành.

*** Nợ ngắn hạn bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi

- Khả năng thanh toán hiện hành cũng như khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty là khả quan. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh tăng qua các năm. Công ty luôn thanh toán công nợ đúng kỳ hạn.
- Trên cơ sở cơ cấu nguồn vốn, có thể thấy rằng tỷ lệ nợ chiếm tỷ trọng tăng dần. Do Công ty đang trong quá trình đẩy mạnh đầu tư.
- Vòng quay hàng tồn kho của Công ty chậm gây ra tình trạng ứ đọng vốn. Tuy nhiên, Công ty duy trì lượng hàng tồn kho dưới dạng nguyên vật liệu đầu vào, thành phẩm

để đáp ứng nhu cầu sản xuất hoặc dự trữ hàng tồn kho do dự đoán về giá cả thị trường có thể biến động tăng giảm trong kế hoạch thì đây là sự dự trữ hợp lý. Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản cải thiện qua các năm. Đây là một dấu hiệu tích cực cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Vòng quay các khoản phải thu thấp. Công ty cần cải thiện để thu hồi vốn nhanh hơn. Vòng quay tổng tài sản và tài sản cố định chưa cao. Công ty cần tập trung sử dụng tài sản có hiệu quả hơn.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng qua các năm. Tỷ lệ sinh lời trên tài sản bình quân và vốn chủ sở hữu bình quân chưa cao. Song các tỷ lệ này có tốc độ tăng ấn tượng. Điều này có thể phản ánh khả năng sinh lời của Công ty ngày càng cải thiện, sau giai đoạn đầu tư ban đầu.

9. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
		Hội đồng quản trị		
1	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	09/11/1962	230512386
2	Nguyễn Đình Trạc	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD	20/06/1957	230018482
3	Đỗ Thanh	Thành viên kiêm P.TGD	04/06/1957	230498198
4	Võ Châu Hoàng	Thành viên kiêm P.TGD	26/08/2002	211466660
5	Nguyễn Tấn Phương	Thành viên	06/03/1975	022773912
		Ban tổng giám đốc		
6	Nguyễn Tiến Dũng	Phó TGD	02/04/1970	230397767
7	Phan Xuân Viên	Phó TGD	11/07/1956	272240222
8	Phạm Minh Việt	Phó TGD	1975	230001707
		Ban kiểm soát		
9	Nguyễn Xuân Hoan	Trưởng ban kiểm soát	1965	230879900
10	Bùi Văn Đi	Thành viên	12/12/1986	211791220
11	Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	02/02/1966	230462219

■ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên	: Bùi Pháp
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 09/11/1962
Số CMND	: 230512386
Ngày cấp	: 26/6/2003
Nơi cấp	: Công an tỉnh Gia Lai
Nơi sinh	: Huyện Hoài Ân - Tỉnh Bình Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hoài Nhơn - Hoài Ân - Bình Định
Địa chỉ thường trú	: 03 Trần Quang Khải. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai
ĐT liên lạc ở cơ quan	: (059) 748 789
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Chuyên viên kinh tế
Quá trình công tác	
1995 - 2002	: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
2003 - 12/06/2007	: Giám đốc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai

13/06/2007 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : Không
 Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 11/05/2010): 15.962.000 cổ phần. chiếm 54.85% tổng số cổ phần
 + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : 15.962.000 cổ phần. chiếm 54.85% tổng số cổ phần
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
 Vợ: Bà Nguyễn Thị Hương nắm giữ 2.910.000 cổ phần chiếm 10.00% tổng số cổ phần
 Chị: Bà Bùi Thị Bối nắm giữ 2000 cổ phần, chiếm 0,007% tổng số cổ phần
 Chị: Bà Bùi Thị Bích Liên nắm giữ 242.633 cổ phần chiếm 0.834% tổng số cổ phần
 Anh: Ông Bùi Văn Hùng nắm giữ 43.333 cổ phần chiếm 0.149% tổng số cổ phần
 Chị: Bà Bùi Thị Dũng nắm giữ 13.333 cổ phần, chiếm 0,046% tổng số cổ phần
 Chị: Bà Bùi Thị Anh nắm giữ 59.333 cổ phần chiếm 0.204% tổng số cổ phần
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên : **Nguyễn Đình Trạc**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 20/06/1957
 Số CMND : 230018482
 Ngày cấp : 13/06/2007
 Nơi cấp : Công an Gia Lai
 Nơi sinh : Nhơn Hòa - An Nhơn - Bình Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Nhơn Hòa - An Nhơn - Bình Định
 Địa chỉ thường trú : 06B Trần Cao Vân. thành phố Pleiku. Gia Lai
 ĐT liên lạc ở cơ quan : (059). 747 206
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :
 1976 - 1989 : Kế toán Lâm trường An Hội. An Khê. Gia Lai
 1990 - 2001 : Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai
 2002 - 2004 : Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
 2005 - 05/2007 : Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai
 06/2007 - nay : Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : Không
 Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 11/05/2010): 200.000 cổ phần chiếm 0.687% tổng số cổ phần

+ Đại diện sở hữu	: Không
+ Cá nhân sở hữu phần	: 200.000 cổ phần chiếm 0.687% tổng số cổ phần
Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết	
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

■ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	: Đỗ Thanh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/06/1957
Số CMND	: 230498198
Ngày cấp	: 24/05/1993
Nơi cấp	: Công An Gia Lai
Nơi sinh	: Đại An - Đại Lộc - Quảng Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đại An - Đại Lộc - Quảng Nam
Địa chỉ thường trú tỉnh Gia Lai	: 2/11 Nguyễn Đức Cảnh. P. Hoa Lư. TP. Pleiku.
ĐT liên lạc ở cơ quan	: (059).748.367
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
1982 - 1986	: Kế toán trưởng Xí nghiệp cơ khí Gia Lai
1987 - 1991	: Chuyên viên kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai
1992 - 2001	: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai
2002 - 2005	: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD ĐLGL
2006 - 06/2007	: Phó giám đốc kinh doanh XNTD ĐLGL
06/2007 - nay	: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Chức vụ hiện tại	: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Chức vụ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 11/05/2010)	: 250.000 cổ phần chiếm 0.859% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu	: Không
+ Cá nhân sở hữu phần	: 250.000 cổ phần chiếm 0.859% tổng số cổ phần
Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết	
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên : **Võ Châu Hoàng**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 1974
 Số CMND : 211466660
 Ngày cấp : 26/08/2002
 Nơi cấp : Công an Bình Định
 Nơi sinh : Hoài Ân - Bình Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hoài Ân - Bình Định
 Địa chỉ thường trú : Tổ 7. P. Trà Bá. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai
 ĐT liên lạc ở cơ quan : (059). 3748 927
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Đại học Giao thông vận tải

Quá trình công tác:
 2006 - 11/2007 : Giám đốc Bến xe Đức Long Gia Lai
 12/2007 - 01/2008 : Giám đốc CTCP ĐT & PT dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai
 2/2008 - nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : Không
 Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 11/05/2010): 191.666 cổ phần chiếm 0.52% tổng số cổ phần + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : 191.666 cổ phần chiếm 0.52% tổng số cổ phần
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
 Mẹ: Bà Bùi Thị Bích Liên nắm giữ .242.633 cổ phần, chiếm 0,834% tổng số cổ phần
 Em: Ông Võ Châu Thành nắm giữ 23.300 cổ phần chiếm 0.08% tổng số cổ phần
 Em: Bà Võ Thị Cẩm Nhung nắm giữ 582.000 cổ phần, chiếm 2,00% tổng số cổ phần
 Em: Bà Võ Thị Bích Quyên nắm giữ 25.000 cổ phần, chiếm 0,086% tổng số cổ phần
 Em: Bà Võ Thị Như Phượng nắm giữ 66.000 cổ phần chiếm 0.227% tổng số cổ phần
 Em: Bà Võ Thị Tường Vi nắm giữ 9.833 cổ phần chiếm 0.034% tổng số cổ phần
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên : **Nguyễn Tấn Phương**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 06/03/1975
 Số CMND : 022773912
 Ngày cấp : 15/08/2007
 Nơi cấp : Công an thành phố Hồ Chí Minh

Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Bình Định
 Địa chỉ thường trú : 55/8 Trần Quốc Toàn. P. 8. Q. 3. TP. Hồ Chí Minh
 ĐT liên lạc ở cơ quan : (84.8) 3863 0764
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác
 1997 - 2000 : Trợ lý kiểm toán công ty TNHH PricewaterhouseCooper Vietnam
 2000 – 2001 : Kiểm toán viên Công ty TNHH KPMG Vietnam
 2002 - 2007 : Giám đốc thương mại Tập đoàn chuyển phát nhanh quốc tế (Hà Lan) tại Việt Nam - TNT
 10/2007 - nay : Giám đốc Công ty CP đầu tư kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai
 Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : Giám đốc CTCP đầu tư và kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai kiêm Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai
 Số cổ phần nắm giữ (11/05/2010) : 80.000 cổ phần chiếm 0.275% tổng số cổ phần
 + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : 80.000 cổ phần chiếm 0.275% tổng số cổ phần
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ **Tổng Giám đốc**

Họ và Tên : **Nguyễn Đình Trạc (xem lý lịch phần trên)**

■ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và Tên : **Đỗ Thanh (xem lý lịch phần trên)**

■ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và Tên : **Võ Châu Hoàng (xem lý lịch phần trên)**

■ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và Tên : **Nguyễn Tiến Dũng**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 02/04/1970
 Số CMND : 230397767
 Ngày cấp : 12/06/1998
 Nơi cấp : Công an Gia Lai
 Nơi sinh : Bệnh viện E – Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hoài Nhơn – Bình Định
 Địa chỉ thường trú : 4C1. Hoàng Văn Thụ. Pleiku. Gia Lai
 ĐT liên lạc ở cơ quan : (059) 3747206
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Chuyên viên kinh tế
Quá trình công tác :
 1991 – 2002 : Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
 2002 – 2007 : Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai
 2007 – 2008 : Công tác tại Công ty Điện Gia lai
 2008 – 2009 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 2009 – Nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư CTCP tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : không
 Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 11/5/2010) : không
 + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : không
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ Phó Tổng Giám đốc

Họ và Tên : **Phan Xuân Viên**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11/07/1956
 Số CMND : 272240222
 Ngày cấp : 01/07/2008
 Nơi cấp : Công an Đồng Nai
 Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Thừa Thiên Huế
 Địa chỉ thường trú : Xã Quảng Tiến – Trảng Bom – Tỉnh Đồng Nai
 ĐT liên lạc ở cơ quan : 0633.998568
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Lâm nghiệp . Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Quá trình công tác :
 2004 – 2009 : Công tác tại CTCP tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : Giám đốc Công ty CP DVCC Đức Long Bảo Lộc

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 11/05/2010): 50.000 cổ phần chiếm 0.172% tổng số cổ phần
 + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : 50.000 cổ phần chiếm 0.172% tổng số cổ phần
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ Phó Tổng Giám đốc

Họ và Tên : **Phạm Minh Việt**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 29/11/1975
 Số CMND : 230583177
 Ngày cấp :
 Nơi cấp : Công an Gia Lai
 Nơi sinh : Nghĩa Dũng – Quảng Ngãi
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Nghĩa Dũng – Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú : 23/46/3 Vạn Kiếp. p. Thống Nhất. Tp. Pleiku.
 Gia lai
 ĐT liên lạc ở cơ quan : (059).3748367
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:
 2003 – 06/2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Cty TNHH Tư vấn Công
 trình Sài Gòn
 07/2006 – 04/2009 : Trưởng phòng kỹ thuật Cty CP tư vấn Phương
 Nam
 04/2009 – 03/2010 : Giám đốc điều hành dự án công ty CP
 ĐTXD&TM Thăng Long
 03/2010 – 10/2010 : Trưởng Ban BOT CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia
 Lai
 10/2010 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP tập đoàn Đức Long
 Gia Lai

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long
 Gia Lai
 Chức vụ giữ ở tổ chức khác : Không
 Số cổ phần nắm giữ : Không
 + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : Không
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không.
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

■ Kế toán trưởng

Họ và Tên	: Vũ Thị Hải
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 02/02/1966
Số CMND	: 230462219
Ngày cấp	: 05/04/1989
Nơi cấp	: Công an Gia Lai
Nơi sinh	: Hồi Ninh - Kim Sơn - Ninh Bình
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hồi Ninh - Kim Sơn - Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	: 17 Lê Thánh Tôn. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai
ĐT liên lạc ở cơ quan	: (059). 3748 896
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
1987 - 2007	: Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai
01/2008 - 02/2008 Lai	: Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
03/2008 - nay Lai	: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Chức vụ hiện tại Lai	: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Chức vụ giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 23.333 cổ phần chiếm 0.08% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu	: Không
+ Cá nhân sở hữu	: 23.333 cổ phần chiếm 0.08% tổng số cổ phần
Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết	
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

■ Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và Tên	: Nguyễn Xuân Hoan
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 1965
Số CMND	: 230879900
Ngày cấp	: 26/09/2007
Nơi cấp	: Công an Gia Lai
Nơi sinh	: Tùng Ảnh. Đức Thọ. Hà Tĩnh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đông Hà – Quản Trị
Địa chỉ thường trú	: 106/3 Lê Lợi. Tp. Pleiku. Gia Lai
ĐT liên lạc ở cơ quan	: (059) 3747437
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:

1984 - 1988	: Tài vụ Cục hậu cần Quân khu 7
1989 - 1990 Lai	: Kế toán trưởng Xí nghiệp xây lắp điện máy Gia Lai
1991 - 1992 Gia La	: Kế toán trưởng Công ty dịch vụ công nghiệp
1993 - 1995	: Cán sự Sở Công nghiệp Gia Lai
1996 - 2001 nghịệp Gia Lai	: Phụ trách kế toán TT Tư vấn và Xây dựng công
2001 - 8/2002 nghịệp Gia Lai	: Kế toán trưởng CTCP Tư vấn và Xây dựng công
9/2002 - 2005	: Chuyên viên kinh tế Công ty Sông Đà 4
2006 - 7/2007	: Kế toán trưởng XNTD Đức Long Gia Lai
8/2007 - 02/2008 Lai	: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia
03/2008 - 07/2008 Lai	: Trợ lý Phó TGD CTCP Tập đoàn Đức Long Gia
08/2008 - 05/2009 Long Gia Lai	: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức
06/2009-nay Gia Lai	: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long
Chức vụ hiện tại Long Gia Lai	: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức
Chức vụ giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 15.000 cổ phần chiếm 0.052% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu	: Không
+ Cá nhân sở hữu	: 15.000 cổ phần chiếm 0.052% tổng số cổ phần
Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết	
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phần	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

■ Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	: Bùi Văn Đi
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 12/12/1986
Số CMND	: 211791220
Ngày cấp	: 24/06/1999
Nơi cấp	: Công an Bình Định
Nơi sinh	: Đức Long, Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đức Long, Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định
Địa chỉ thường trú	: 02 Đặng Trần Côn, P. Trà Bá, TP. Pleiku, Gia Lai
ĐT liên lạc ở cơ quan	: (059) 3747206
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp kế toán – tin học
Quá trình công tác	:
06/2007 – 2009 Long Gia Lai	: Trợ lý Phó Tổng Giám đốc CTCP tập đoàn Đức
6/2008 - nay	: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức

Long Gia Lai
 Chức vụ hiện tại : Trợ lý Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên Ban
 Kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 Chức vụ ở tổ chức khác : không
 Số cổ phần nắm giữ (thời điểm /2010) : 2.000 cổ phần chiếm 0.007% tổng số cổ phần
 + Đại diện sở hữu : Không
 + Cá nhân sở hữu : 2.000 cổ phần chiếm 0.007% tổng số cổ phần
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu nêu trên trong 6 tháng đầu và nắm giữ 50% số lượng cổ
 phiếu trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

10. Danh sách tài sản, nhà xưởng

■ Tổng hợp tài sản

Bảng tổng hợp Tài sản tính tới 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình	121.478.989.129	27.303.844.500	94.175.144.629
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	82.179.265.478	14.987.944.043	67.191.321.435
2	Máy móc thiết bị	25.580.843.125	6.996.097.299	18.584.745.826
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.832.515.733	5.077.226.308	7.755.289.425
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	886.364.793	242.576.850	643.787.943
B	Tài sản cố định thuê tài chính	12.920.680.403	3.187.238.761	9.733.441.642
1	Máy móc thiết bị	7.611.142.857	1.682.560.237	5.928.582.620
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.309.537.546	1.504.678.524	3.804.859.022
C	Tài sản cố định vô hình	95.568.882.814	94.099.933	95.474.782.881
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	95.255.882.814		95.255.882.814
2	Phần mềm máy tính	313.000.000	94.099.933	218.900.067
	Tổng cộng	229.968.552.346	30.585.183.194	199.383.369.152

Nguồn: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Bảng tổng hợp Tài sản tính tới 30/09/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định hữu hình	125.311.053.567	31.510.177.695	93.800.875.872
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	82.197.907.278	16.778.765.427	65.419.141.851
2	Máy móc thiết bị	25.580.843.125	8.264.669.667	17.316.173.458
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.474.374.225	6.072.275.819	10.402.098.406
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.057.928.939	394.466.782	663.462.157
B	Tài sản cố định thuê tài chính	12.186.724.645	4.131.531.475	8.055.193.170
1	Máy móc thiết bị	7.611.142.857	2.647.960.333	4.963.182.524
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.575.581.788	1.483.571.142	3.092.010.646
C	Tài sản cố định vô hình	95.689.228.510	129.695.248	95.559.533.262
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	95.255.882.814	0	95.255.882.814
2	Phần mềm máy tính	433.345.696	129.695.248	303.650.448
	Tổng cộng	233.187.006.722	35.771.404.418	197.415.602.304

Nguồn: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

■ **Chi tiết tài sản trên 100 triệu tính đến 30/09/2010**

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	KH lũy kế	Tỷ lệ còn lại
1	Cổng tường rào	373.062.106	56.995.597	85%
2	Hệ thống điện	122.670.659	42.168.035	66%
3	Kho chứa hàng	747.466.847	114.196.327	85%
4	Kiốt bán hàng	3.450.120.382	755.377.970	78%
5	Kê chắn đất	5.605.091.577	550.500.064	90%
6	Nhà căn tin	313.136.609	37.440.247	88%

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	KH lũy kế	Tỷ lệ còn lại
7	Nhà nghỉ bến xe	3.367.068.893	290.222.426	91%
8	Nhà rửa. sửa xe	661.846.558	79.133.829	88%
9	Nhà vệ sinh công cộng	434.025.973	51.894.410	88%
10	Nhà điều hành	2.345.285.211	134.365.302	94%
11	Sân đường nội bộ Bến xe	4.642.269.207	709.235.573	85%
12	Trạm xăng dầu	1.340.344.287	196.583.825	85%
13	Khách sạn số 95 - 97 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. Gia Lai	7.279.700.000	1.929.120.497	74%
14	Thang máy tự động khách sạn	185.714.286	126.517.860	32%
15	Máy lạnh khách sạn	134.442.000	91.588.617	32%
16	Nhà xưởng cửa CD	179.894.804	25.185.276	86%
17	Nhà xưởng tinh chế. sơ chế	2.208.424.458	203.665.812	91%
18	Nhà xưởng ván sàn+gc+tp	2.444.747.259	225.460.029	91%
19	Nhà kho (nhà xông khói)	204.039.906	20.112.505	90%
20	Lò sấy diện tích 576 m ²	144.971.713	14.290.069	90%
21	Mái che lò sấy 1&2 trước và sau lò	102.667.615	11.328.779	89%
22	Sân đường nội bộ nhà máy 1	477.036.509	47.022.173	90%
23	Tường rào nhà máy 1	191.856.054	18.911.524	90%
24	Nhà tập thể diện tích 231.34 m ²	380.579.758	242.569.536	36%
25	Lò sấy hơi nước+nhà che để gỗ	702.985.914	69.294.323	90%
26	Nhà kho chế biến A1	221.605.287	21.843.947	90%
27	Nhà kho chứa thành phẩm A4	1.183.032.152	106.472.898	91%
28	Sân đường nội bộ nhà máy 2	206.736.587	28.426.276	86%
29	Nhà kho chứa thành phẩm	2.032.168.923	200.313.790	90%

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	KH lũy kế	Tỷ lệ còn lại
	A3			
30	Nhà kho gia công A2	1.684.485.256	155.346.975	91%
31	Nhà làm việc + trưng bày	254.443.663	25.080.880	90%
32	Văn phòng làm việc: Phòng hành chính + Kế toán + kinh doanh	1.496.737.152	194.459.606	87%
33	Nhà làm việc Giám Đốc + phòng họp	337.732.000	51.725.385	85%
34	Trung tâm thương mại	9.480.143.622	519.165.183	95%
35	Xưởng mài đá Granit	1.049.749.161	129.993.958	88%
36	Nhà xưởng cắt đá Granit	887.647.091	147.941.181	83%
37	Nhà Văn phòng Cty Đá	522.397.352	86.131.640	84%
38	Nhà ở công nhân cty Đá	252.182.132	60.043.363	76%
39	Nhà ăn Cty Đá	187.899.924	18.163.659	90%
40	Xưởng xẻ đá	360.371.613	34.835.925	90%
41	Cống. tường. sân đường nội bộ cty Đá	1.314.891.149	168.428.451	87%
42	Nhà xưởng sản xuất số 4 NM3	1.415.356.333	181.637.399	87%
43	Nhà kho nguyên liệu số 01 NM3	919.241.970	117.969.387	87%
44	Nhà sấy luyệt số 02 NM3	1.158.959.614	162.254.350	86%
45	Nhà xưởng sản xuất số 01	539.411.956	69.224.533	87%
46	Nhà xưởng sản xuất số 02	539.605.588	69.249.386	87%
47	Nhà xưởng sản xuất số 03	539.605.588	69.249.386	87%
48	Nhà làm việc NM3	280.129.394	35.949.935	87%
	Tổng cộng	64.903.982.092	8.697.088.098	

Nguồn: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

■ **Danh mục đất đai, nhà xưởng (tính đến 30/09/2010)**

Bất động sản	Quy mô	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng (dự kiến)	Tình trạng
117 - 119 - 121 Trần Phú. TP. Pleiku. Gia Lai	1.195 m ²	Xây dựng cao ốc Đức Long tower	QI/2009	Sở hữu
120 - 120 A Trần Phú & 30B Nguyễn Trường Tộ. TP. Pleiku. Gia Lai	265,4 m ²	Trung tâm thương mại	Đã sử dụng	Sở hữu
67 Ngô Thời Nhậm. TP. Pleiku. Gia Lai	2.626 m ²	Đất xây dựng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 01763 QSDĐ/632/2000/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	2.698 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 01811 QSDĐ/86/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	1.759 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 00724 QSDĐ/86/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	1.458 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
QSDĐ số 01808 QSDĐ/75/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. Gia Lai)	4.702 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
Xã IaTiêm. huyện Chư Sê. tỉnh Gia Lai	534.390 m ²	Trồng cây cao su	Đang sử dụng	Sở hữu
95 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	166,37 m ²	Khách sạn	Đang sử dụng	Sở hữu
97 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	128 m ²	Khách sạn	Đang sử dụng	Sở hữu
99 Hai Bà Trưng. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	106,59 m ²	Khách sạn	Đang sử dụng	Sở hữu
Đường An Dương Vương. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	9.935 m ²	Đất xây dựng	Đang sử dụng	Sở hữu
Đường Lý Nam Đế. TP. Pleiku. tỉnh Gia Lai	1.920 m ²	Xây dựng nhà xưởng	Đang sử dụng	Sở hữu
97/2 Nguyễn Hữu Cảnh. Q. Bình Thạnh. TP. Hồ Chí Minh	582,7 m ²	Đất xây dựng	Đang sử dụng	Sở hữu

Nguồn: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

11. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới

Ngoài kế hoạch phát hành 213,4 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2010 thì Công ty chưa có kế hoạch phát hành trái phiếu trong 03 năm tới.

12. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2010	Năm 2011		Năm 2012	
	Kế hoạch	Kế hoạch	% tăng giảm so KH 2010	Kế hoạch	% tăng giảm so KH 2011
Tổng Doanh thu thuần	1.000	1.800	80%	3.000	66,67%
Lợi nhuận trước thuế	200	400	100%	533	33,25%
Lợi nhuận sau thuế	150	300	100%	400	33,33%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng DT	15%	16,67%	-	13,33%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	51,55%	72,99%	-	97,32%	-
Tỷ lệ cổ tức	12%	15%	-	20%	-

Nguồn: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Căn cứ để đạt được kế hoạch

Trong những năm tiếp theo 2010-2012, Đức Long Gia Lai tiếp tục ưu tiên phát triển các ngành nghề phát sinh doanh thu lợi nhuận cao nhằm củng cố vốn chủ sở hữu. trên cơ sở đó Công ty sẽ có đủ điều kiện để phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu công trình. trái phiếu doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án tiềm năng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của mình.

Đức Long Gia Lai xác định ngoài các ngành nghề kinh doanh truyền thống như chế biến gỗ, đá. kinh doanh bến xe bãi đỗ. Công ty sẽ tập trung vào các ngành nghề chiến lược như trồng và chế biến các sản phẩm từ cây cao su, đầu tư xây dựng thủy điện, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. kinh doanh dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng.

Trong giai đoạn từ đây đến năm 2012, Đức Long Gia Lai tiếp tục các bước đầu tư, phấn đấu hoàn thành để đưa vào khai thác các công trình đang triển khai từ năm 2009 như: thực hiện tổng thầu dự án đường BOT đoạn Đồng Xoài – Cây Chanh (Bình Phước); lập thủ tục đầu tư theo hình thức BOT đoạn đường Pleiku – Cầu 110 (Gia Lai) và đoạn km817-km887 (Đak Nông); đầu tư vào bến xe Bảo Lộc. bến xe Đà Nẵng; hoàn thiện khách sạn Mỹ Khê Đà Nẵng và khách sạn 4 sao Dung Quất; phấn đấu đưa dự án thủy điện Tà Nung (Lâm Đồng) vào vận hành. hoàn thiện thủ tục để khởi công các dự án Thủy điện Đồng Nai 6 và 6A (Lâm Đồng. Bình Phước. Đak Nông) vào khởi công; mở rộng nhà máy chế biến gỗ; hoàn thiện thủ tục xin cấp phép khai thác các mỏ đá Bazan, Granite.....

Thông tin về các dự án tiêu biểu của Đức Long Gia Lai

Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng

Địa điểm: Quốc Lộ 1A thuộc phường Hòa Phước. huyện Hòa Vang. TP. Đà Nẵng.

Thời gian hoàn thành dự kiến: 08/2011

Tổng vốn đầu tư: 98,1 tỷ đồng

Mục đích dự án: đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bến xe và bãi đỗ xe. hoạt động vận chuyển hành khách theo tuyến cố định. vận chuyển hành khách theo hợp đồng. vận chuyển hành khách bằng taxi. xe tải hàng hóa có nhu cầu qua bến để trung chuyển hàng hóa.

Công suất dự án và quy mô công trình:

- Tổng lượt xe ra vào bến: 780 xe/ngày
- Doanh nghiệp tự thuê và ủy thác quầy bán vé: 80 doanh nghiệp
- Các công trình xây dựng chính bao gồm: nhà ga hành khách phục vụ cho 50 quầy vé và 2000 lượt khách. nhà vệ sinh công cộng. trạm xăng dầu phục vụ cho bến và khách bên ngoài. trạm bảo dưỡng và vệ sinh xe

Hiệu quả tài chính dự kiến:

- NPV: 231,6 tỷ đồng
- IRR: 27,92%
- Thời gian hoàn vốn: 9,8 năm

Dự án Bến xe khách liên tỉnh Đức Long – Bảo Lộc

Địa điểm: km 125+800 Quốc lộ 20. phường Lộc Sơn. thị xã Bảo Lộc. tỉnh Lâm Đồng.

Thời gian đưa vào hoạt động dự kiến: tháng 8 năm 2010

Tổng vốn đầu tư: 35.5 tỷ đồng

Mục đích dự án: xây dựng bến xe liên tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu đi lại. tham quan du lịch của người dân.

Công suất dự án và quy mô công trình:

Tổng lượt xe ra vào bến: 100 xe/ngày

Doanh nghiệp tự thuê và ủy thác quầy bán vé: 36 doanh nghiệp

Các công trình xây dựng chính bao gồm: nhà ga hành khách phục vụ cho 20 quầy vé và 800 lượt khách. nhà nghỉ với 18 phòng ngủ. nhà vệ sinh công cộng. trạm xăng dầu phục vụ cho bến và khách bên ngoài. gara sửa và rửa xe. kiốt bán hàng

Hiệu quả tài chính dự kiến:

NPV: 31,5 tỷ đồng

IRR: 19.72%

Thời gian hoàn vốn: 6,9 năm

Dự án trồng cao su tại xã IaBlư. huyện Chư Sê. tỉnh Gia Lai

Địa điểm: tiểu khu 1136. 1143 – Xã IaBlư. huyện Chư Sê. tỉnh Gia Lai

Tổng diện tích trồng cao su: 909.80 ha

Tổng mức vốn đầu tư: 162.777.766.000 đồng

Tổng sản lượng mủ cốm khai thác dự kiến: 29.993 tấn

Giá bán mủ cốm bình quân dự kiến: 30.000.000 đồng/tấn

Hiệu quả tài chính:

- NPV: 28,1 tỷ đồng

- IRR: 16,4%

- Thời gian hoàn vốn: 14,47 năm

Thông tin chi tiết về doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CÁC NGÀNH NGHỀ	DOANH THU KH 2010	LNST KH 2010
1	Bến xe, bãi đỗ và các dịch vụ phụ trợ	25	8
2	Chế biến Gỗ	55	11
3	Xây dựng công trình nhà cửa, vật kiến trúc	100	10
4	Cung ứng nguyên liệu gỗ các loại	100	0
5	Xây dựng đường bộ (BOT)	250	58
6	SX. cung ứng Đá granite	25	3
7	SX. cung ứng Đá xây dựng đường bộ	65	29
8	Bán căn hộ	30	8
9	Kinh doanh Khoáng sản	50	15
10	Mua bán Phân bón	280	5
11	Bán điện	0	0
12	Thu phí cầu đường	0	0
13	Ngành nghề khác (DVBV, ksản....)	20	4
Tổng cộng		1.000	150

Đối với hoạt động sản xuất và chế biến gỗ:

Sản xuất và chế biến đồ gỗ là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Đức Long Gia Lai. Xác định là ngành cốt lõi nên Công ty đã huy động nhân lực và vật lực đủ nhằm duy trì và tăng cường mở rộng đầu tư thêm, nổi bật là năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008. Đức Long Gia Lai đã tiến hành mua lại nhà máy sản xuất gỗ Xuân Phúc với tổng trị giá 25 tỷ đồng đồng thời tiến hành nhập khẩu dây chuyền sản xuất ván Veneer và chế biến sản phẩm gỗ với trị giá: 259.486.45 USD và 29.955 EUR. Hiện tại, quy mô sản xuất của Đức Long Gia Lai bao gồm ba nhà máy chế biến gỗ được đặt tại Pleiku. Gia Lai với tổng công suất thiết kế lên đến 10.800 m³/năm.

Đối với hoạt động kinh doanh phân bón:

Hoạt động kinh doanh phân bón của Công ty nhằm phục vụ cho việc trồng và chăm sóc cây cao su của Công ty và một số đối tác truyền thống của Công ty là chủ yếu, chính vì vậy mảng kinh doanh này mang lại lợi nhuận không cao cho Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh khách sạn và nhà hàng:

Hiện nay mảng kinh doanh Khách sạn và Nhà hàng của Công ty cũng đang trên đà tăng trưởng. trong tương lai Công ty sẽ đưa vào khai thác một số dự án khách sạn tại Đà Nẵng. Gia Lai thì mảng kinh doanh này sẽ đóng góp một phần trong cơ cấu doanh thu & lợi nhuận của Công ty.

Đối với hoạt động bán căn hộ:

Trong năm 2010. Công ty sẽ triển khai bán 46 căn hộ của Dự án Đức Long Tower tại Gia Lai với tổng diện tích 3.000m² và giá bán bình quân là 10.000.000 đồng/m².

Đối với hoạt động tổng thầu xây dựng Quốc lộ 14:

Năm 2010, Công ty thực hiện thi công dự án mở rộng và nâng cấp Quốc lộ 14 theo hợp đồng tổng thầu với Công ty Đức Phú và Công ty cổ phần Đức Thành Gia Lai. Ngoài ra Công ty dự kiến sẽ khởi công dự án đường BOT tại Đắk Nông vào ngày 15/09/2010. Khi Công ty thực hiện 2 công trình này, công ty sẽ đạt được mức doanh thu và lợi nhuận như trên.

Kinh doanh khoáng sản:

Dự kiến tháng 12/2010. Công ty bắt đầu phát sinh doanh thu từ khai thác và kinh doanh khoáng sản (kim loại màu). Với công suất khai thác 350 tấn đá/ngày thì Công ty sẽ có được khoảng 55,5 tấn quặng/ngày. với giá bán trung bình 30 triệu đồng/ tấn quặng thì doanh thu của Công ty sẽ là: 55,5 tấn x 30.000.000 x 30 ngày = 50 tỷ đồng/ tháng.

Đối với hoạt động sản xuất đá xây dựng nhằm cung cấp cho các dự án xây dựng đường Quốc lộ 14 (BOT Gia Lai. Đắk Nông):

Năm 2010. Công ty sẽ sản xuất đá xây dựng nhằm cung cấp cho các dự án BOT mà Công ty làm tổng thầu và chủ đầu tư sẽ thi công trong năm. Đây cũng là một thế mạnh của công ty vì hiện tại Công ty đang sở hữu nhiều mỏ đá xây dựng tại tỉnh Gia Lai và Bình Phước cũng như khu vực Tây nguyên.

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Theo đánh giá của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS) dựa trên những số liệu và thông tin do Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai cung cấp. kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn 2010 – 2012 được Công ty xây dựng theo nguyên tắc thận trọng. Cơ cấu doanh thu, chi phí được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong giai đoạn 2009 và 09 tháng đầu năm 2010 kết hợp với dự báo các yếu tố biến động trong điều kiện bình thường của thị trường gỗ, đá và các mảng kinh doanh khác. Công ty đã tính toán đầy đủ các yếu tố chi phí (bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí hoạt động tài chính) trong kế hoạch doanh thu - lợi nhuận. Tỷ lệ cổ tức dự kiến chia cho các cổ đông được xác định phù hợp, đảm bảo nguồn vốn để tái đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Vì vậy, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai trong giai đoạn 2010-2012 có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

SBS xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm lập hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi, DLG không có cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.

14. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty

Tính đến thời điểm lập hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi, DLG không có tranh chấp, kiện tụng nào mà có thể ảnh hưởng tới giá chứng khoán.

V. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2005;
- Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 18/2007/TT-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 52/2008/NĐ-CP ngày 19/05/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc quy định về phát hành Trái phiếu doanh nghiệp.
- Nghị quyết số 04/2010/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 29/10/2010 Của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

2. Loại trái phiếu

- Trái phiếu chuyển đổi

3. Lãi suất

- Lãi suất dự kiến: 13%/năm
- Một năm được tính là 360 ngày

4. Kỳ hạn trả lãi

Trả lãi sau, định kỳ hàng năm trùng với ngày phát hành. Nếu ngày trả lãi trùng vào ngày nghỉ thì tiền lãi sẽ được chuyển trả vào ngày làm việc tiếp theo.

5. Mệnh giá

Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (*một trăm nghìn đồng*)

6. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán

Tổng khối lượng trái phiếu phát hành là 2.134.000 trái phiếu (Hai triệu một trăm ba mươi tư nghìn trái phiếu) tương đương 213.400.000.000 đồng (Hai trăm mười ba tỷ bốn trăm triệu đồng). Toàn bộ số trái phiếu này sẽ phát hành cho các cổ đông hiện hữu.

7. Giá chào bán dự kiến

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/10/2010, các cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được mua với giá bằng mệnh giá (100.000VNĐ/trái phiếu).

8. Phương pháp tính giá

Giá trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

9. Phương thức phân phối

DLG sẽ công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông hiện hữu để chào bán trái phiếu chuyển đổi theo quy định và thực hiện việc chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu theo danh sách được chốt.

Tổng khối lượng trái phiếu phát hành là 2.134.000 trái phiếu, toàn bộ số trái phiếu này sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu với mức giá được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá là 100.000 đồng/trái phiếu.

10. Thời gian phân phối trái phiếu

- Dự kiến trong Quý 04 năm 2010 và thực hiện 01 đợt phát hành.
 - Kể từ ngày Công ty nhận được giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN cấp. DLG sẽ thực hiện việc phân phối trái phiếu ra công chúng tối đa không quá 90 ngày.
- Dự kiến thời gian chào bán theo lịch trình sau:

Stt	Công việc	Thời gian
1.	UBCKNN cấp Giấy phép phát hành	T
2.	Làm việc với Sở GDCK và TT Lưu ký CK để triển khai công tác chào bán	T+2
3.	Công bố thông tin về việc chào bán	T+3 đến T+5
4.	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	T+15
5.	TT Lưu ký gửi danh sách phân bổ quyền mua Trái phiếu cho các Thành viên Lưu ký	T+20
6.	Chuyển nhượng quyền mua	T+20 đến T+30
7.	Đăng ký và nộp tiền mua Trái phiếu	T+20 đến T+40
8.	Các thành viên Lưu ký nộp tiền và danh sách người đăng ký mua Trái phiếu cho TT Lưu ký	T+41 đến T+42
9.	TT Lưu ký gửi thông báo và chuyển tiền cho DLG	T+43 đến T+45
10.	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+46
11.	Phân phối Trái phiếu cho trái chủ	T+46 đến T+56

Ghi chú: Thời gian trên chỉ tính theo ngày làm việc, nếu quá thời hạn nộp tiền mua Trái phiếu mà cổ đông không thực hiện quyền mua sẽ bị mất quyền mua mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

11. Đăng ký mua trái phiếu

- Phương thức phân phối: Trái phiếu được bán công khai cho các cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp đối tượng được mua mà không mua, Hội đồng quản trị sẽ được ủy quyền phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có trong danh sách tại thời điểm HĐQT chốt danh sách cổ đông trước khi phát hành.
- Phạm vi phát hành: Tại Việt Nam
- Tỷ lệ phân phối cho cổ đông: Tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông hiện hữu. Số lượng trái phiếu được quyền chuyển đổi được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị trái phiếu.
- Hồ sơ đăng ký mua Trái phiếu chuyển đổi: đơn đăng ký mua Trái phiếu chuyển đổi (theo mẫu của Hội đồng quản trị)
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
- Địa điểm nhận Hồ sơ đăng ký mua Trái phiếu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: đăng ký và nộp tiền tại các Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán và các cá nhân, tổ chức khác; đăng ký và nộp tiền mua tại các điểm giao dịch sau:
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, trụ sở chính 02 Đặng Trần Côn, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, trụ sở chính 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3. TP.Hồ Chí Minh

12. Quyền của người sở hữu trái phiếu

- Được quyền đề nghị chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc giữ trái phiếu đến hết kỳ hạn và hưởng lợi lãi suất theo qui định nêu trên.
- Được DLG thanh toán tiền lãi trái phiếu.
- Được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật.

13. Phương thức thực hiện quyền

✚ Quyền kèm theo trái phiếu:

Cổ đông sở hữu 300 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được mua 22 trái phiếu chuyển đổi với giá 100.000 đồng/trái phiếu

✚ Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

Trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu trong 2 năm kể từ ngày phát hành (trái phiếu có hiệu lực). Đến thời điểm chuyển đổi tiền gốc của trái phiếu sẽ được chuyển thành cổ phiếu.

✚ Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi

Tỷ lệ quy đổi 1:10 (tức là cổ đông sở hữu 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

14. Phương án xử lý số Trái phiếu lẻ và số cổ phiếu không thực hiện quyền mua

- Đối với số Trái phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền: để đảm bảo không bị vượt quá số lượng Trái phiếu phát hành, số lượng Trái phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu DLG sẽ được mua $100 : 3 \times 0,22 = 7,33$ trái phiếu và được làm tròn xuống thành 7 trái phiếu.
- Số lượng Trái phiếu lẻ phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền mua Trái phiếu và số lượng Trái phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết thì số Trái phiếu còn lại sẽ được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các đối tượng khác theo ủy quyền của Hội đồng quản trị với mức giá không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

15. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ với đối với người nước ngoài

- Thực hiện Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu chào bán ra công chúng của một tổ chức đăng ký giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội. Do đó, tỷ lệ phân phối quyền mua trái phiếu chuyển đổi của cổ đông hiện hữu nước ngoài sẽ được tuân theo quy định trên.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ trái phiếu được quyền chuyển đổi, khi thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật.

16. Các loại thuế có liên quan

- ✚ Thuế giá trị gia tăng được Quốc hội thông qua ngày 10/05/1997. luật sửa đổi bổ sung ngày 17/06/2003;
- ✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2003;
- ✚ Thuế thu nhập cá nhân được Quốc hội ban hành ngày 21/11/2007;
- ✚ Các loại thuế khác.

17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu doanh nghiệp

- **Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**
- **Tài khoản số: 62010000424760 mở tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Gia Lai**

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành: **213.400.000.000 VNĐ** (Hai trăm mười ba tỷ bốn trăm triệu đồng) sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng nâng cao hiệu quả đòn bẩy tài chính.

2. Phương án khả thi

Căn cứ kế hoạch kinh doanh trong năm 2010 và chiến lược phát triển DLG trong những năm tới. Hội đồng quản trị Công ty đã đặt mục tiêu cho Ban điều hành Công ty mức lợi nhuận tối thiểu là 18% trên vốn chủ sở hữu. Điều đó cho thấy việc khai thác hiệu quả nguồn vốn của Công ty luôn được Hội đồng quản trị đặt lên hàng đầu.

Để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho DLG trong những năm tới, DLG và các công ty thành viên đang thực hiện các dự án như:

- Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng
- Dự án Bến xe khách liên tỉnh Đức Long – Bảo Lộc
- Dự án trồng cao su tại xã Iablư, huyện Chư sê, tỉnh Gia Lai
- Dự án xây dựng đường Quốc lộ 14 từ tỉnh Gia Lai đi TP. Hồ Chí Minh
- Dự án thủy điện Tà Nung, tỉnh Lâm Đồng
- Dự án thủy điện ĐăkSơpai, tỉnh Gia Lai

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn

Toàn bộ số tiền dự kiến được từ đợt phát hành: 213.400.000.000 VNĐ (Hai trăm mười ba tỷ bốn trăm triệu đồng) sẽ được bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng nâng cao hiệu quả đòn bẩy tài chính.

2. Kế hoạch trả nợ số tiền thu được từ đợt chào bán

Do trái phiếu phát hành là trái phiếu chuyển đổi nên hết kỳ hạn trái phiếu (02 năm) phần gốc của trái phiếu sẽ được chuyển thành cổ phiếu theo tỷ lệ và mệnh giá quy định tại Mục V mà không phải trả lại vốn cho trái chủ, đồng nghĩa trái chủ sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

Tuy nhiên, trong trường hợp đến thời hạn chuyển đổi, trái chủ không muốn chuyển đổi thành cổ phiếu. Công ty sẽ trả cả gốc và lãi cho trái chủ. DLG sẽ cân đối dòng tiền để chuẩn bị sẵn sàng để trả lãi và gốc của trái phiếu khi đến kỳ hạn.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (chi nhánh Hà Nội)

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Phường 8. Quận 3. TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 62 68 68 68 - Fax: (08) 62 55 59 39
Hotline : (84.8) 62 55 59 50
E-mail : contact_vn@sbsc.com.vn
Website : www.sbsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở: : 217 Nguyễn Văn Linh. Tp. Đà Nẵng. Việt Nam.
Điện thoại: : (84.0511) 3 655 886
Fax: : (84.0511) 3 655 887
Email : aac@dng.vnn.vn
Website : www.aac.com.vn

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục I

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II

Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty

Phụ lục III

Các báo cáo kiểm toán 2008, 2009; và báo cáo tài chính 9 tháng 2010

Phụ lục IV

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS

Gia Lai, ngày 28 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

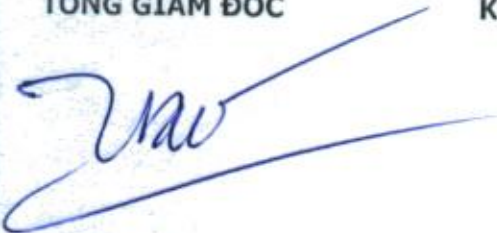



BÙI PHÁP

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



VŨ THỊ HẢI



NGUYỄN XUÂN HOAN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




NGÔ QUẢNG PHÚ